

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUẢN LÝ VÀ CÔNG NGHỆ HẢI PHÒNG



KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

NGÀNH : KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN

HẢI PHÒNG – 2022

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUẢN LÝ VÀ CÔNG NGHỆ HẢI PHÒNG

**HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KIỂM TOÁN KHOẢN
MỤC TÀI SẢN CỐ ĐỊNH TRONG KIỂM TOÁN BÁO
CÁO TÀI CHÍNH DO CÔNG TY TNHH NEXIA STT –
CHI NHÁNH AN PHÁT THỰC HIỆN**

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY

NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN

Sinh viên : Đặng Thị Tố Uyên

Giảng viên hướng dẫn: Ths. Phạm Thị Kim Oanh

HẢI PHÒNG – 2022

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUẢN LÝ VÀ CÔNG NGHỆ HẢI PHÒNG

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Sinh viên: Đặng Thị Tố Uyên

Mã SV: 1412401137

Lớp : QT2002K

Ngành : Kế toán – Kiểm toán

Tên đề tài: Hoàn thiện công tác kiểm toán tài sản cố định trong kiểm toán báo cáo tài chính do công ty TNHH Nexia – Chi nhánh An Phát thực hiện

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp

.....

.....

.....

.....

.....

.....

2. Các tài liệu, số liệu cần thiết

.....

.....

.....

.....

.....

.....

3. Địa điểm thực tập tốt nghiệp

.....

CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Họ và tên : Phạm Thị Kim Oanh

Học hàm, học vị : Thạc sĩ

Cơ quan công tác : Trường Đại học Quản lý và Công nghệ Hải Phòng

Nội dung hướng dẫn:

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày 04 tháng 04 năm 2022

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày 24 tháng 06 năm 2022

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN

Sinh viên

Đã giao nhiệm vụ ĐTTN

Giảng viên hướng dẫn

Hải Phòng, ngày tháng năm 2022

XÁC NHẬN CỦA KHOA

MỤC LỤC

LỜI MỞ ĐẦU	1
CHƯƠNG 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ CÔNG TÁC KIỂM TOÁN TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH TRONG KIỂM TOÁN BÁO CÁO TÀI CHÍNH	2
1.1 Khái quát về TSCĐ.....	2
1.1.1 Khái niệm TSCĐ	2
1.1.2 Đặc điểm TSCĐ.....	2
1.1.3 Phân loại	3
1.1.4 Tổ chức công tác kế toán TSCĐ.....	5
1.1.4.1 Hệ thống chứng từ, sổ sách kế toán.....	5
1.2 Nội dung công tác kiểm toán TSCĐ trong báo cáo tài chính.....	8
1.2.1 Khái quát chung về BCTC.....	8
1.2.2 Mục tiêu và căn cứ kiểm toán TSCĐ	10
1.2.3 Quy trình kiểm toán khoản mục TSCĐ	11
CHƯƠNG 2: HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KIỂM TOÁN KHOẢN MỤC TSCĐ TRONG KIỂM TOÁN BCTC DO CÔNG TY TNHH NEXIA STT – CHI NHÁNH AN PHÁT THỰC HIỆN	31
2.1 Khái quát chung về công ty TNHH Nexia STT – Chi nhánh An Phát	31
2.1.1 Quá trình hình thành và phát triển	31
2.1.1.1 Lịch sử hình thành và phát triển của công ty.	31
2.1.2 Quy trình kiểm toán	35
2.2 Thực trạng công tác kiểm toán khoản mục tài sản cố định trong kiểm toán BCTC tại Công ty TNHH MACS LOGISTICS do Công ty TNHH Nexia STT – Chi nhánh An Phát thực hiện	36
2.2.1 Giới thiệu chung về công ty khách hàng	36
2.2.3 Thực hiện chu kỳ kiểm toán TSCĐ tại Công ty TNHH MACS LOGISTIC.....	58
CHƯƠNG 3: GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KIỂM TOÁN CHU KỲ TSCĐ TRONG KIỂM TOÁN BCTC DO CÔNG TY TNHH NEXIA STT – CHI NHÁNH AN PHÁT THỰC HIỆN.....	76
3.1 Định hướng phát triển của công ty.....	76

3.2 Đánh giá công tác kiểm toán chu kỳ Tài sản cố định trong kiểm toán Báo cáo tài chính do Công ty TNHH Nexia – Chi nhánh An Phát thực hiện.....	76
3.2.1 Kết quả đạt được	76
3.2.2 Hạn chế.....	79
3.3 Giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kiểm toán chu kỳ Tài sản cố định tại Công ty TNHH Nexia – Chi nhánh An Phát.....	80
3.3.1 Sự cần thiết trong hoàn thiện công tác kiểm toán chu kỳ Tài sản cố định	80
3.3.2 Những yêu cầu về hoàn thiện công tác kiểm toán chu kỳ Tài sản cố định.....	80
3.3.3 Giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kiểm toán chu kỳ Tài sản cố định ...	81

LỜI MỞ ĐẦU

Hệ thống kiểm toán ở Việt Nam - một trong những công cụ quản lý kinh tế - tài chính hữu hiệu, sản phẩm của nền kinh tế thị trường, của hội nhập kinh tế quốc tế đã được hình thành và có những bước phát triển đáng ghi nhận. Hệ thống kiểm toán gồm 03 phân hệ cấu thành là Kiểm toán Nhà nước (KTNN), kiểm toán độc lập và kiểm toán nội bộ. Các phân hệ có vị trí, vai trò và phạm vi hoạt động khác nhau, nhưng cùng thực hiện chức năng kiểm tra, kiểm soát đối với các hoạt động kinh tế - tài chính, có sự tương đồng nhất định về phương pháp chuyên môn nghiệp vụ.

Và công ty TNHH NEXIA STT là 1 trong những công ty kiểm toán có chỗ đứng vững chắc tại Việt Nam, bao gồm rất nhiều các chi nhánh ở khắp các tỉnh, thành phố. Điển hình như công ty TNHH NEXIA STT – Chi nhánh An Phát, nơi mà cá nhân em đang thực tập. Trong giai đoạn thực tập tổng hợp, do mới bước đầu tiếp cận và tìm hiểu hoạt động kiểm toán tại công ty, báo cáo thực tập tổng hợp chỉ đề cập đến đặc điểm chung về cơ cấu tổ chức, quy trình hoạt động, hệ thống phương pháp kiểm toán và hồ sơ kiểm toán chung của Công ty TNHH NEXIA STT – Chi nhánh An Phát. Nhận thức được vai trò quan trọng của khoản mục Tài sản cố định trong Báo cáo tài chính của doanh nghiệp, trong quá trình thực tập Công ty TNHH NEXIA STT – Chi nhánh An Phát được sự giúp đỡ của các anh chị trong công ty và giảng viên hướng dẫn cô Phạm Thị Kim Oanh em đã chọn đề tài cho Khóa luận tốt nghiệp là **“Hoàn thiện công tác kiểm toán khoản mục Tài sản cố định trong kiểm toán báo cáo tài chính do Công ty TNHH NEXIA STT – Chi nhánh An Phát thực hiện”**. Ngoài lời mở đầu và kết luận, khóa luận được kết cấu thành 03 chương:

Chương 1: Cơ sở lý luận về công tác kiểm toán TSCĐ trong kiểm toán báo cáo tài chính.

Chương 2: Quy trình kiểm toán TSCĐ trong kiểm toán báo cáo tài chính do Công ty TNHH Nexia STT - Chi nhánh An Phát thực hiện.

Chương 3: Giải pháp hoàn thiện hoạt động kiểm toán TSCĐ trong kiểm toán báo cáo tài chính tại Công ty TNHH Nexia STT - Chi nhánh An Phát.

Hải Phòng, ngày tháng năm 2021

Sinh viên

ĐẶNG THỊ TÓ UYÊN

CHƯƠNG 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ CÔNG TÁC KIỂM TOÁN

TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH TRONG KIỂM TOÁN

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1.1 Khái quát về TSCĐ

1.1.1 Khái niệm TSCĐ

Theo thông tư 45/2013/TT-BTC ban hành ngày 25 tháng 04 năm 2013, một nguồn lực của doanh nghiệp được coi là TSCĐ hữu hình phải đồng thời thỏa mãn cả 4 tiêu chuẩn sau:

- Chắc chắn thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc sử dụng tài sản đó: Lợi ích kinh tế tài sản đó mang lại được biểu hiện ở việc tăng doanh thu, tiết kiệm chi phí, tăng chất lượng của sản phẩm, dịch vụ khi doanh nghiệp kiểm soát và sử dụng dịch vụ nào đó.

- Nguyên giá tài sản cố định phải được xác định một cách đáng tin cậy: Tiêu chuẩn này yêu cầu một tài sản nào đó muốn được ghi nhận là TSCĐ thì phải có cơ sở khách quan để xác định giá trị ban đầu của nó.

- Thời gian sử dụng ước tính là trên 1 năm: Tiêu chuẩn này nhằm cụ thể hóa tiêu chuẩn thứ nhất của TSCĐ. Lợi ích kinh tế trong tương lai do việc sử dụng TSCĐ không phải là trong 1 năm tài chính mà ít nhất hai năm.

- Có đủ tiêu chuẩn giá trị theo quy định hiện hành: Theo Điều 3 chương II thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 thì tiêu chuẩn của TSCĐ phải có giá trị từ 30.000.000 đồng trở lên (bắt đầu áp dụng cho năm tài chính 2013).

TSCĐ hữu hình thường là bộ phận chủ yếu trong tổng TSCĐ và đóng vai trò quan trọng trong việc thể hiện tình hình tài chính của doanh nghiệp, vì vậy việc xác định một tài sản có được ghi nhận là TSCĐ hữu hình hay một khoản chi phí SXKD trong kỳ sẽ có ảnh hưởng đáng kể đến báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

1.1.2 Đặc điểm TSCĐ

- Về mặt hiện vật: Tham gia vào nhiều chu kỳ SXKD và vẫn giữ nguyên được hình thái vật chất ban đầu cho đến khi hư hỏng phải loại bỏ.

- Về mặt giá trị: Tài sản cố định được biểu hiện dưới hai hình thái: Một bộ phận giá trị tồn tại dưới hình thái ban đầu gắn với hiện vật TSCĐ. Một bộ phận giá trị tài sản cố định chuyển vào sản phẩm và bộ phận này sẽ chuyển hoá thành tiền khi bán được sản phẩm.

- Khi tham gia vào quá trình sản xuất, nhìn chung TSCĐ không bị thay đổi hình thái hiện vật nhưng tính năng công suất giảm dần tức là nó bị hao mòn và cùng với sự giảm dần về giá trị sử dụng thì giá trị của nó cũng giảm đi. Bộ phận giá trị hao mòn đó chuyển vào giá trị sản phẩm mà nó SX ra và gọi là trích khấu hao cơ bản. TSCĐ là một hàng hoá như một hàng hoá thông thường khác, thông qua mua bán trao đổi, nó có thể chuyển quyền sở hữu, quyền sử dụng từ chủ thể này sang chủ thể khác trên thị trường tư liệu sản xuất.

- Do có kết cấu phức tạp gồm nhiều bộ phận với mức độ hao mòn không đồng đều nên trong quá trình sử dụng TSCĐ có thể bị hư hỏng từng bộ phận.

1.1.3 Phân loại

Do TSCĐ trong doanh nghiệp có nhiều loại với nhiều hình thái biểu hiện, tính chất đầu tư, công dụng và tình hình sử dụng khác nhau... nên để thuận lợi cho việc quản lý và hạch toán TSCĐ, cần sắp xếp TSCĐ vào từng nhóm theo những đặc trưng nhất định như phân theo quyền sở hữu, phân theo nguồn hình thành, phân theo hình thái biểu hiện, phân theo hình thái biểu hiện, ... Mỗi một cách phân loại có tác dụng khác nhau đối với công tác hạch toán và quản lý TSCĐ.

Nếu chia theo hình thái thì TSCĐ trong doanh nghiệp được chia thành TSCĐ hữu hình và TSCĐ vô hình.

• TSCĐ hữu hình là những TSCĐ có hình thái vật chất và được chia thành các nhóm sau:

- Loại 1: Nhà cửa, vật kiến trúc: là TSCĐ của doanh nghiệp được hình thành sau quá trình thi công xây dựng như trụ sở làm việc, nhà kho, hàng rào,

tháp nước, sân bãi, các công trình trang trí cho nhà cửa, đường xá, cầu cống, đường sắt, đường băng sân bay, cầu tàu, cầu cảng.

- Loại 2: Máy móc, thiết bị: là toàn bộ các loại máy móc, thiết bị dùng trong hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp như máy móc chuyên dùng, thiết bị công tác, giàn khoan trong lĩnh vực dầu khí, cần cẩu, dây chuyền công nghệ, những máy móc đơn lẻ...

- Loại 3: Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn: là các loại phương tiện vận tải gồm phương tiện vận tải đường sắt, đường thủy, đường bộ, đường không, đường ống và các thiết bị truyền dẫn như hệ thống thông tin, hệ thống điện, đường ống nước, băng tải,...

- Loại 4: Thiết bị, dụng cụ quản lý: là những thiết bị, dụng cụ dùng trong công tác quản lý hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp như máy vi tính phục vụ quản lý, thiết bị điện tử, thiết bị, dụng cụ đo lường, kiểm tra chất lượng, máy hút âm, hút bụi, chống mối mọt....

- Loại 5: Vườn cây lâu năm, súc vật làm việc và/hoặc cho sản phẩm: là các vườn cây lâu năm như vườn cà phê, vườn chè, vườn cao su, vườn cây ăn quả, thảm cỏ, thảm cây xanh...; súc vật làm việc hoặc cho sản phẩm như đàn voi, đàn ngựa, đàn trâu, đàn bò...

- Loại 6: Các loại TSCĐ khác: là toàn bộ các TSCĐ khác chưa liệt kê vào năm loại trên như tranh ảnh, tác phẩm nghệ thuật.

• TSCĐ vô hình là những tài sản không có hình thái vật chất nhưng xác định được giá trị và do doanh nghiệp nắm giữ, sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh, cung cấp dịch vụ hoặc cho các đối tượng khác thuê phù hợp với tiêu chuẩn ghi nhận TSCĐ vô hình. TSCĐ vô hình được chia thành các nhóm sau:

- Loại 1: Quyền sử dụng đất.
- Loại 2: Quyền phát hành.
- Loại 3: Bản quyền, bằng sáng chế
- Loại 4: Nhãn hiệu hàng hóa.
- Loại 5: Phần mềm máy tính.
- Loại 6: Giấy phép và giấy phép nhượng quyền

- Loại 7: Các loại TSCĐ vô hình khác.

1.1.4 Tổ chức công tác kế toán TSCĐ

1.1.4.1 Hệ thống chứng từ, sổ sách kế toán

Về chứng từ sử dụng: Tổ chức chứng từ kế toán là việc thu thập thông tin, chứng từ hợp lý, hợp lệ của các nghiệp vụ và giao dịch để phản ánh và hạch toán lên hệ thống các văn bản chứng từ hợp lý, hợp pháp theo một quy trình luân chuyển chứng từ nhất định.

Các chứng từ được sử dụng trong hạch toán TSCĐ hữu hình gồm:

- Hợp đồng mua bán TSCĐ.
- Hóa đơn bán hàng, hóa đơn kiêm phiếu xuất kho của người bán.
- Biên bản giao nhận TSCĐ (Mẫu số 01-TSCĐ)
- Biên bản thanh lý TSCĐ (Mẫu số 02-TSCĐ)
- Biên bản giao nhận TSCĐ sửa chữa lớn hoàn thành (Mẫu số 03-TSCĐ).
- Biên bản đánh giá lại TSCĐ (Mẫu số 04-TSCĐ).
- Biên bản kiểm kê tài sản cố định (Mẫu số 05-TSCĐ).
- Biên bản quyết toán, thanh lý hợp đồng mua tài sản.
- Hóa đơn GTGT (Mẫu số 01GTKT3/001)
- Bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ

Về sổ sách: Để theo dõi kịp thời và đầy đủ thông tin về TSCĐ hữu hình thì doanh nghiệp sử dụng hệ thống sổ sách như:

- Thẻ tài sản cố định hữu hình
- Sổ chi tiết TSCĐ theo từng bộ phận sử dụng và từng loại TSCĐ hữu hình
- Sổ cái TK 211, TK 214.

1.1.4.2 Tài khoản sử dụng

Để phản ánh tình hình biến động TSCĐ hữu hình, doanh nghiệp cần phải sử dụng các tài khoản chủ yếu sau:

- Tài khoản 211 “Tài sản cố định hữu hình”: Tài khoản này dùng để phản ánh giá trị hiện có, tình hình biến động tăng giảm của toàn bộ TSCĐ của doanh nghiệp theo nguyên giá. Tiểu khoản gồm:

TK 2111: Nhà cửa, vật kiến trúc

TK 2112: Máy móc thiết bị

TK 2113: Phương tiện vận tải, truyền dẫn

TK 2114: Thiết bị, dụng cụ quản lý

TK 2115: Cây lâu năm, súc vật làm việc và cho sản phẩm

TK 2118: TSCĐ khác

• Tài khoản 213 “Tài sản cố định vô hình”: Tài khoản này dùng để phản ánh giá trị hiện có và tình hình biến động tăng giảm TSCĐ vô hình của doanh nghiệp. Tiểu khoản gồm:

TK 2131: Quyền sử dụng đất

TK 2132: Quyền phát hành

TK 2133: Bản quyền, bằng sáng chế

TK 2134: Nhãn hiệu, tên thương mại

TK 2135: Chương trình phần mềm

TK 2136: Giấy phép và giấy phép nhượng quyền

TK 2138: TSCĐ vô hình khác

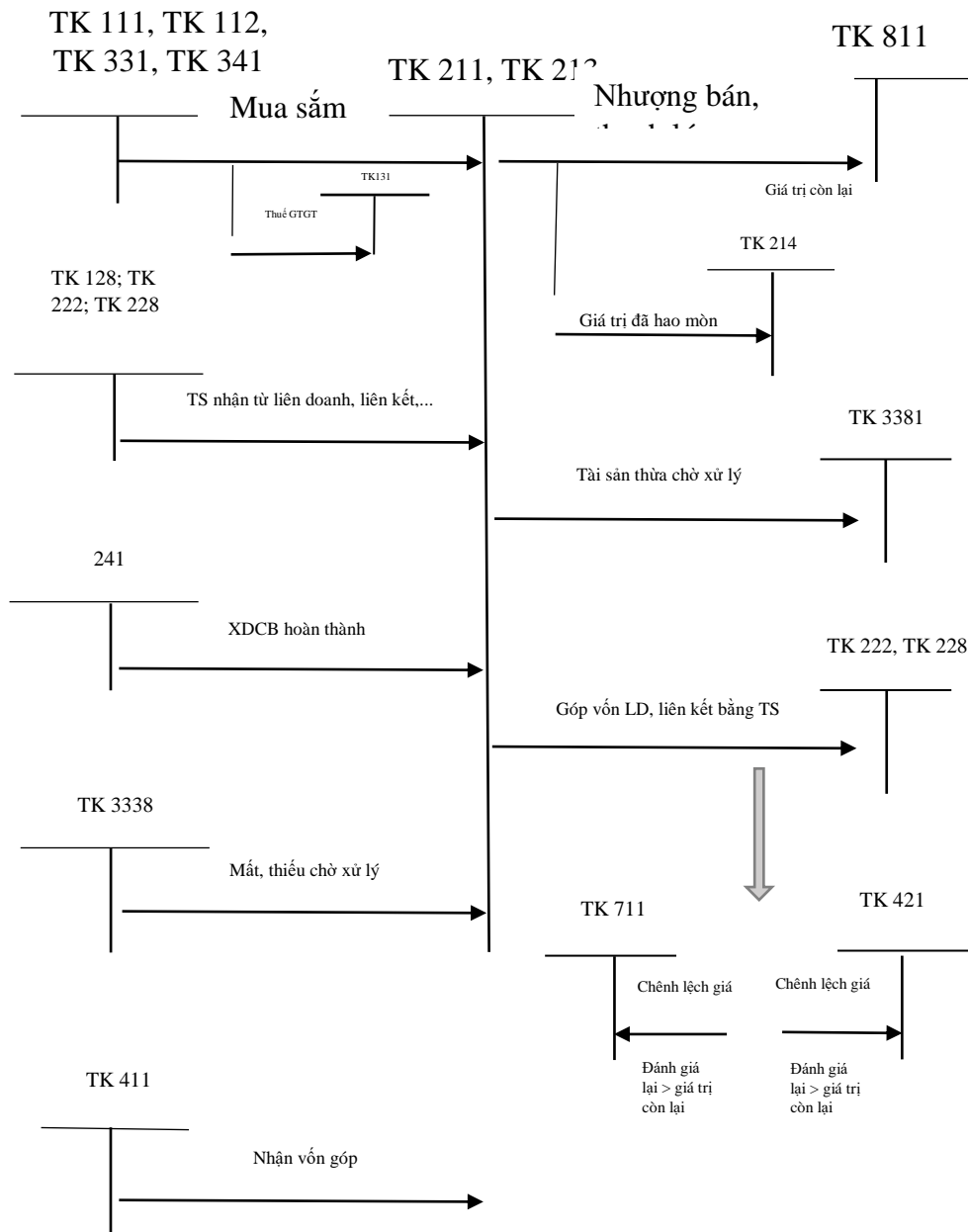
• Tài khoản 214 “Hao mòn tài sản cố định”: Tài khoản này phản ánh giá trị hao mòn của TSCĐ trong quá trình sử dụng do trích khấu hao và những khoản tăng giảm hao mòn khác của các loại tài sản trong doanh nghiệp.

TK 2141: Hao mòn TSCĐ hữu hình

TK 2143: Hao mòn TSCĐ vô hình

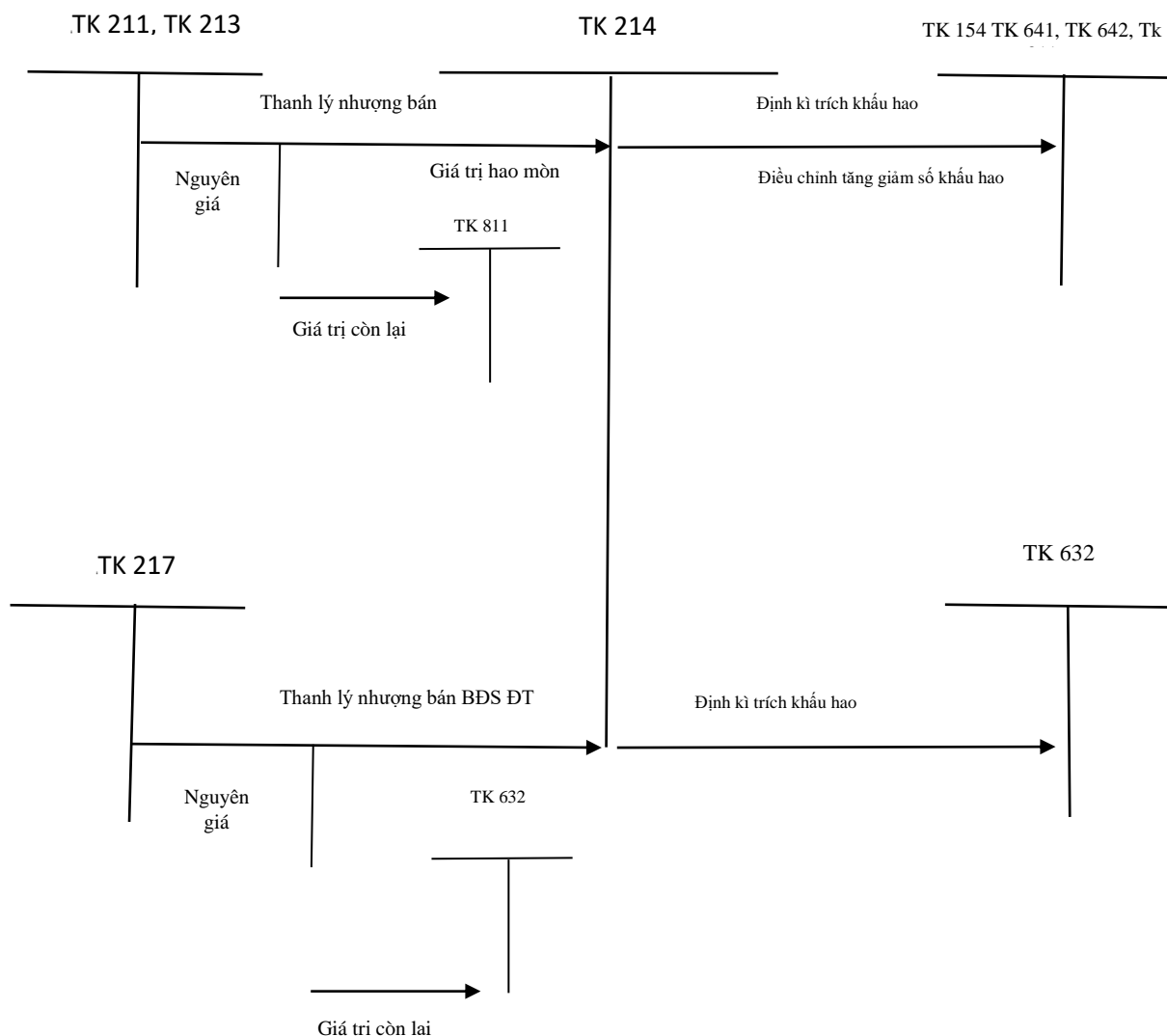
1.1.4.3 Hạch toán TSCĐ

1.1.4.3.1 *Hạch toán tài sản cố định*



Hình 1. Sơ đồ hạch toán tăng giảm tài sản cố định

1.1.4.3.2 Hạch toán hao mòn tài sản cố định



Hình 2. Sơ đồ hạch toán khấu hao tài sản

1.2 Nội dung công tác kiểm toán TSCĐ trong báo cáo tài chính

1.2.1 Khái quát chung về BCTC

1.2.1.1 Khái niệm kiểm toán BCTC

Hiện nay, khái niệm “ Kiểm toán báo cáo tài chính” vẫn có nhiều cách dùng và cách hiểu khác nhau. Tuy nhiên, theo cách hiểu chung nhất thì kiểm toán báo cáo tài chính được hiểu như sau:

Kiểm toán báo cáo tài chính là hoạt động của các kiểm toán viên độc lập và có năng lực tiến hành thu thập và đánh giá các bằng chứng kiểm toán về các

báo cáo tài chính được kiểm toán nhằm kiểm tra và báo cáo về mức độ trung thực của báo cáo tài chính được kiểm toán với các tiêu chuẩn, chuẩn mực đã được thiết lập.

1.2.1.2 Mục tiêu kiểm toán BCTC

• Theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 200, mục tiêu của kiểm toán BCTC là:

- Giúp cho kiểm toán viên và công ty kiểm toán đưa ra ý kiến xác nhận rằng báo cáo tài chính có được trên cơ sở chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành (hoặc được chấp nhận), có tuân thủ pháp luật liên quan và có phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu hay không.

- Mục tiêu của kiểm toán báo cáo tài chính còn giúp cho đơn vị được kiểm toán thấy rõ những tồn tại, sai sót để khắc phục nhằm nâng cao chất lượng thông tin tài chính của đơn vị.

• Các mục tiêu kiểm toán cụ thể:

- *Xác minh tính có thật và có căn cứ hợp lý*: KTV phải xác minh việc ghi chép và thông tin của kế toán có dựa trên các căn cứ hợp lý hay không, các nghiệp vụ phát sinh có thật sự xảy ra hay không.

- *Tính đầy đủ*: KTV kiểm tra tất cả các nghiệp vụ, các sự kiện kinh tế phát sinh trong kỳ kế toán có được ghi chép vào sổ và báo cáo kế toán không.

- *Tính toán, đánh giá*: KTV phải kiểm tra các nghiệp vụ kinh tế phát sinh được ghi chép vào sổ và báo cáo kế toán có được đánh giá chính xác về giá trị không.

- *Sự phân loại*: KTV phải xác minh được tính hợp lý của sự phân loại các giao dịch đã được phản ánh vào hệ thống các tài khoản kế toán và hệ thống báo cáo kế toán.

- *Tính đúng kỳ*: KTV phải xác minh và kiểm định lại các sự kiện, nghiệp vụ phát sinh trong kỳ được ghi chép và báo cáo đúng kỳ phát sinh hay không.

- *Cộng dồn và chuyển số*: KTV phải kiểm tra xác minh xem các giao dịch phát sinh có được kế toán theo dõi ghi chép liên tục không, việc cộng dồn và chuyển số có thực hiện đúng quy định không.

- *Trình bày công khai*: KTV phải kiểm tra các nghiệp vụ, các giao dịch có được ghi chép, báo cáo trên hệ thống sổ và báo cáo kế toán không, sổ và báo cáo kế toán có hợp thức và hợp pháp không.

1.2.2 Mục tiêu và căn cứ kiểm toán TSCĐ

1.2.2.1 Mục tiêu kiểm toán khoản mục TSCĐ

Phù hợp với mục đích chung của kiểm toán BCTC là xác nhận mức độ tin cậy của BCTC được kiểm toán. Mục tiêu cụ thể của kiểm toán TSCĐ là thu thập đầy đủ các bằng chứng thích hợp từ đó đưa ra lời xác nhận về mức độ tin cậy của các thông tin tài chính có liên quan. Các thông tin tài chính có liên quan bao gồm: thông tin về nguyên giá, giá trị hao mòn, các khoản chi phí có liên quan đến TSCĐ như chi phí khấu hao trong chi phí sản xuất kinh doanh từ đó tác động đến các chỉ tiêu lợi nhuận, chi phí và kết quả hoạt động kinh doanh được tổng hợp và trình bày trong các báo cáo tài chính hàng năm của đơn vị. Trên cơ sở mục đích kiểm toán TSCĐ ta xác định các mục tiêu kiểm toán cụ thể như sau:

Đối với các nghiệp vụ và số dư về TSCĐ:

- *Tính có thật*: Tất cả các nghiệp vụ TSCĐ được ghi sổ trong kỳ là phát sinh thực tế, không có các nghiệp vụ ghi không.

- *Tính toán, đánh giá*: Đảm bảo các nghiệp vụ TSCĐ được xác định theo đúng các nguyên tắc, chế độ kế toán hiện hành và được tính đúng đắn không có sai sót.

- *Tính đầy đủ*: Các nghiệp vụ TSCĐ phát sinh trong kỳ đều được phản ánh, theo dõi đầy đủ trên các sổ kế toán.

- *Sự phân loại*: Các nghiệp vụ TSCĐ phát sinh trong kỳ đều được phân loại đúng đắn theo quy định của các chuẩn mực, chế độ kế toán liên quan và quy định đặc thù của doanh nghiệp; các nghiệp vụ này được hạch toán đúng trình tự và phương pháp kế toán.

- *Tính đúng kỳ*: Các nghiệp vụ TSCĐ đều được hạch toán đúng kỳ phát sinh. Đối với số dư các tài khoản TSCĐ thì sự hiệu hữu của tất cả các TSCĐ được doanh nghiệp trình bày trên BCTC là phải tồn tại thực tế tại thời điểm báo

cáo. Số liệu trên các báo cáo phải khớp đúng với số liệu kiểm kê thực tế của doanh nghiệp.

- *Cộng dồn*: Số liệu lũy kế tính dồn trên các số chi tiết TSCĐ được xác định đúng đắn. Việc kết chuyển số liệu từ các Sổ kế toán chi tiết sang các Sổ kế toán tổng hợp và Sổ Cái không có sai sót.

- *Trình bày công khai*: các chỉ tiêu liên quan đến TSCĐ trên BCTC được xác định đúng theo các quy định của Chuẩn mực, chế độ kế toán và không có sai sót

1.2.2.2 Căn cứ kiểm toán khoản mục TSCĐ

Để có thể tiến hành kiểm toán và có thể đưa ra nhận xét về các chỉ tiêu có liên quan đến TSCĐ trên Báo cáo tài chính, kiểm toán viên phải dựa trên các thông tin và tài liệu sau:

-Các nội quy, quy chế của nội bộ đơn vị liên quan đến việc mua sắm, quản lý, sử dụng thanh lý nhượng bán tài sản cố định;

-Các tài liệu là căn cứ pháp lý cho các nghiệp vụ tăng, giảm, mua bán, sửa chữa TSCĐ: các hợp đồng mua bán, các bản thanh lý hợp đồng, các quyết định đầu tư;

-Các chứng từ phát sinh liên quan đến TSCĐ: Hóa đơn mua, các chứng từ liên quan đến quá trình vận chuyển, lắp đặt, sửa chữa TSCĐ, các chứng từ thanh toán có liên quan như: Phiếu chi, giấy báo nợ, các biên bản thanh lý nhượng bán TSCĐ...;

-Các sổ kế toán tổng hợp và chi tiết của các tài khoản có liên quan như: sổ chi tiết TSCĐ, Sổ cái và sổ tổng hợp các TK có liên quan. Các nguồn tài liệu về quá trình xử lý kế toán chủ yếu cung cấp bằng chứng liên quan trực tiếp đến các cơ sở dẫn liệu của các thông tin tài chính đã trình bày trên báo cáo tài chính được kiểm toán.

1.2.3 Quy trình kiểm toán khoản mục TSCĐ

Để thực hiện một cuộc kiểm toán có hiệu quả cần xây dựng một quy trình kiểm toán cụ thể và phù hợp với mục tiêu đề ra. Thông thường một quy trình kiểm toán bao gồm 3 giai đoạn:

- Lập kế hoạch kiểm toán
- Thực hiện kiểm toán
- Kết thúc kiểm toán

1.2.3.1 Lập kế hoạch kiểm toán

Trước khi bắt đầu một cuộc kiểm toán thì cần lập ra kế hoạch kiểm toán đúng đắn sẽ đảm bảo được tính hiệu quả của cuộc kiểm toán. Một kế hoạch kiểm toán đúng đắn sẽ giúp KTV thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán, tránh được một số bất đồng giữa KTV và khách hàng, đảm bảo chi phí cuộc kiểm toán giữ ở mức hợp lý.

Các công việc trong bước lập kế hoạch bao gồm:

- Xem xét và chấp nhận hợp đồng

Hợp đồng kiểm toán là sự thỏa thuận bằng văn bản giữa công ty kiểm toán và khách hàng về sự điều hành cuộc kiểm toán và các dịch vụ khác có liên quan. Trong đó, sẽ xác định mục tiêu, phạm vi kiểm toán, quyền và trách nhiệm của mỗi bên, hình thức báo cáo kiểm toán, thời gian thực hiện và phí kiểm toán.

Theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam VSA 210 – Hợp đồng kiểm toán: “Hợp đồng kiểm toán phải được lập và ký chính thức trước khi tiến hành công việc kiểm toán nhằm bảo vệ quyền lợi của công ty khách hàng và của công ty kiểm toán... Nếu khách hàng và công ty kiểm toán sử dụng văn bản cam kết thay cho hợp đồng thì văn bản cam kết phải đảm bảo các điều kiện cơ bản của hợp đồng kiểm toán”.

Kiểm toán viên cần phải xem xét việc chấp nhận khách hàng mới hay tiếp tục kiểm toán khách hàng cũ có làm tăng rủi ro hoạt động của kiểm toán viên hay ảnh hưởng đến uy tín của công ty hay không? Đó là lí do mà công ty cần lựa chọn những kiểm toán viên có kinh nghiệm và kĩ năng để tiếp cận công ty khách hàng.

★ Đối với khách hàng cũ, KTV cần cập nhật thông tin về khách hàng hiện hữu để xem có nên tiếp tục kiểm toán cho họ hay không, nghiên cứu xem có cần thay đổi nội dung hợp đồng kiểm toán hay không.

* Đối với khách hàng mới, KTV cần tìm hiểu lý do mời kiểm toán của khách hàng, thu thập thông tin về các khía cạnh như lĩnh vực kinh doanh, tình trạng tài chính,... Phải nắm bắt được thông tin về tình hình kinh doanh của khách hàng qua các nguồn khác nhau. Đặc biệt, đối với các công ty cổ phần có niêm yết trên thị trường chứng khoán; những công ty có nhiều công nợ. Trong trường hợp đơn vị đã có kiểm toán viên tiền nhiệm, kiểm toán viên cần tìm cách thu thập các thông tin hữu ích từ phía các kiểm toán viên tiền nhiệm như: Những thông tin về tính liên chính của Ban Giám đốc, các bất đồng giữa hai bên (nếu có), lý do khiến họ không tiếp tục cộng tác với nhau. Phải rất thận trọng trong các trường hợp như:

- Khách hàng không đồng ý cho tiếp xúc với kiểm toán viên tiền nhiệm.
- Trước đây giữa đôi bên đã xảy ra những bất đồng nghiêm trọng, nên các câu trả lời của kiểm toán viên tiền nhiệm bị giới hạn và họ không thể cung cấp những thông tin cần thiết.

- Qua ý kiến của người tiền nhiệm, phát hiện được một số vấn đề bất thường và trọng yếu.

Sau khi xem xét và quyết định chấp nhận khách hàng công ty kiểm toán sẽ lập hợp đồng và gửi cho khách hàng. Công ty lựa chọn các kiểm toán viên có kinh nghiệm, hiểu biết về ngành nghề kinh doanh của khách hàng và các trợ lý kiểm toán để thành lập nhóm kiểm toán. Nhóm kiểm toán phải cam kết về tính độc lập của kiểm toán viên trước khi tiến hành các bước tiếp theo của cuộc kiểm toán.

- Thu thập thông tin khách hàng

Sau khi chấp nhận hợp đồng kiểm toán, kiểm toán viên phải thu thập những thông tin chi tiết cần thiết ngay từ khi bắt đầu công việc kiểm toán. Trong quá trình kiểm toán, kiểm toán viên phải luôn xem xét, đánh giá, cập nhật và bổ sung thêm các thông tin mới về khách hàng có liên quan đến cuộc kiểm toán.

Hiểu biết của kiểm toán viên về khách hàng kiểm toán bao gồm những hiểu biết tổng quan về nền kinh tế, lĩnh vực hoạt động, tổ chức hoạt động của

Doanh nghiệp... Mức độ hiểu biết của kiểm toán viên về khách hàng không nhất thiết phải như ban giám đốc của đơn vị được kiểm toán.

Trước hết là việc thu thập thông tin, nghĩa vụ pháp lý của khách hàng. Với kiểm toán TSCĐ thì cần phải thu thập các chứng từ pháp lý, sổ sách như: biên bản góp vốn, biên bản bàn giao, giấy chứng nhận liên doanh liên kết, tuyên bố hợp nhất...

Việc thu thập các thông tin cần thiết về tình hình kinh doanh của đơn vị là một quá trình tích lũy liên tục, bao gồm việc thu thập, đánh giá và đối chiếu thông tin thu thập được với các bằng chứng kiểm toán ở tất cả các giai đoạn của quá trình kiểm toán. Các thông tin đã thu thập ở giai đoạn lập kế hoạch vẫn phải tiếp tục cập nhật và bổ sung thêm ở giai đoạn kế tiếp để kiểm toán viên hiểu biết đầy đủ hơn về hoạt động của đơn vị.

Thứ hai là việc tìm hiểu về hoạt động kinh doanh của khách hàng. Việc nắm rõ đặc điểm ngành nghề kinh doanh của khách hàng rất quan trọng, điều này đảm bảo cho Kiểm toán viên có được cái nhìn đầy đủ về khách hàng từ xác định được trọng tâm của công việc đáp ứng cho yêu cầu công việc sau này. Một ví dụ là kiểm toán TSCĐ trong công ty chuyên về than sẽ khác với một công ty kinh doanh khách sạn. trong chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 310 quy định: “ Để thực hiện kiểm toán BCTC, KTV phải có hiểu biết cần thiết, đầy đủ về hoạt động kinh doanh nhằm đánh giá và phân tích được sự kiện, nghiệp vụ và thực tiễn hoạt động của đơn vị được kiểm toán mà theo KTV thì có ảnh hưởng trọng yếu đến BCTC, đến việc kiểm tra của KTV hoặc tới BCTC.”

Thông thường các thông tin về khách hàng cần được thu thập cụ thể như sau:

- Thu thập chứng từ pháp lý, sổ sách.
- Xác định quy mô TSCĐ, nắm bắt cơ cấu đầu tư vào tài sản cố định, cơ cấu vốn của doanh nghiệp và xu hướng phát triển của khách hàng.
- Xem xét những khía cạnh đặc thù của khách hàng: ngành nghề kinh doanh, cơ cấu tổ chức, dây chuyền sản xuất... để tìm hiểu những sự kiện, nghiệp vụ có ảnh hưởng đến TSCĐ nói riêng và báo cáo tài chính nói chung.

- Tham quan nhà xưởng, xác minh TSCĐ, phát hiện những vấn đề cần quan tâm: máy móc cũ, lạc hậu sản xuất trì trệ, sản phẩm ứ đọng...

- Trao đổi với Ban giám đốc, kế toán trưởng hoặc kế toán TSCĐ và cán bộ nhân viên khác trong đơn vị về tính hình biến động TSCĐ trong công ty và việc sử dụng có hợp lý.

- Tìm hiểu mục tiêu, chiến lược kinh doanh của khách hàng, các mục tiêu đó có liên quan gì đến biến động TSCĐ.

- Tìm hiểu về môi trường kinh doanh các yếu tố bên ngoài tác động đến khách hàng: pháp luật, khoa học kỹ thuật...

- Trao đổi với KTV nội bộ (nếu có) về TSCĐ, trích khấu hao và xem xét Báo cáo Kiểm toán nội bộ.

- KTV cần xem xét lại kết quả của cuộc kiểm toán năm trước và hồ sơ kiểm toán, tìm hiểu những thông tin quan trọng như: chính sách tài chính, các sai phạm liên quan đến khoản mục TSCĐ năm trước...

Để sử dụng hiệu quả các hiểu biết về tình hình kinh doanh, KTV cần đánh giá, xem xét mức độ ảnh hưởng tổng thể từ những hiểu biết của mình đến báo cáo tài chính của đơn vị, cũng như sự phù hợp của các cơ sở dẫn liệu trong báo cáo tài chính so với những hiểu biết của kiểm toán viên về tình hình kinh doanh.

• Thực hiện thủ tục phân tích

Thủ tục phân tích, theo định nghĩa của Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam số 520: “ là việc phân tích các số liệu, thông tin, các tỷ suất quan trọng, qua đó tìm ra những xu hướng biến động và tìm ra những mối quan hệ có mâu thuẫn với các thông tin liên quan khác hoặc có sự chênh lệch lớn so với giá trị đã dự kiến”.

Sau khi thu thập thông tin khách hàng, bước tiếp theo là thực hiện thủ tục phân tích các thông tin đã thu thập được. Thủ tục này được áp dụng cho tất cả các cuộc kiểm toán và nó được thực hiện trong tất cả các giai đoạn kiểm toán. Thủ tục phân tích trong giai đoạn này gồm hai loại cơ bản sau:

- Phân tích ngang (Phân tích xu hướng): với khoản mục TSCĐ, KTV tiến hành so sánh số liệu năm trước với năm nay, qua đó thấy được những biến động

bất thường và tìm hiểu nguyên nhân. Đồng thời có thể so sánh số liệu của ngành với số liệu của khách hàng.

- Phân tích dọc (phân tích qua các tỷ suất): là việc phân tích dựa trên việc tính ra các chỉ số liên quan và so sánh với TSCĐ, KTV có thể sử dụng tỷ suất tự tài trợ, tỷ suất đầu tư, hệ thống kiểm soát nội bộ.

- Tìm hiểu hệ thống kiểm soát nội bộ

Nghiên cứu hệ thống KSNB của khách hàng và đánh giá được các rủi ro kiểm soát giúp cho KTV thiết kế được những thủ tục kiểm toán thích hợp cho khoản mục TSCĐ, từ đó đánh giá được khối lượng và độ phức tạp của cuộc kiểm toán, ước tính thời gian và xác định được trọng tâm của cuộc kiểm toán.

Trong chuẩn mực kiểm toán số 02 nêu rõ: “KTV phải có đủ hiểu biết về hệ thống kế toán và hệ thống kiểm soát nội bộ của khách hàng để lập kế hoạch và xây dựng cách tiếp cận có hiệu quả. KTV phải sử dụng đến xét đoán chuyên môn để đánh giá về rủi ro Kiểm toán và xác định các thủ tục Kiểm toán nhằm các rủi ro này xuống một mức chấp nhận được”. Hệ thống kiểm soát nội bộ càng hữu hiệu thì rủi ro kiểm soát càng nhỏ và ngược lại, rủi ro kiểm soát cao khi hệ thống kiểm soát nội bộ kém hiệu quả.

KTV cần quan tâm đến hệ thống KSNB trên hai phương diện:

- Cách thiết kế: KSNB đối với khoản mục TSCĐ được tiến hành như thế nào?
- Sự vận hành: KSNB đối với khoản mục TSCĐ được tiến hành ra sao?

Để tiến hành khảo sát hệ thống KSNB của khách hàng, TV tiến hành các công việc sau:

- Phỏng vấn các nhân viên của Công ty.
- Quan sát thực tế TSCĐ.
- Kiểm tra chứng từ sổ sách liên quan đến TSCĐ.
- Lấy xác nhận bằng văn bản của bên thứ ba (nếu cần).
- Quan sát các thủ tục KSNB đối với TSCĐ.
- Thực hiện các thủ tục kiểm soát nếu cần.

Sau khi tiến hành các bước công việc trên, KTV cần đánh giá rủi ro kiểm soát và thiết kế các thử nghiệm kiểm soát:

- Xác định các loại gian lận có thể có đối với khoản mục TSCĐ.
- Đánh giá tính hiện hữu của hệ thống KSNB trong việc phát hiện và ngăn chặn các gian lận và sai sót đó.

Tùy vào mức độ rủi ro kiểm soát được đánh giá mà KTV có thể tiếp tục tiến hành các thử nghiệm kiểm soát hoặc các thử nghiệm cơ bản ở mức độ hợp lý. Khi tiến hành thu thập thông tin khách hàng, KTV có thể đặt ra những câu hỏi về các vấn đề cần quan tâm như sau:

- Có tiến hành kiểm kê định kỳ tài sản và đối chiếu với sổ kế toán.
- Có thường xuyên đối chiếu số liệu giữa sổ chi tiết với sổ tổng hợp.
- Khi tiến hành mua sắm TSCĐ có tiến hành lập kế hoạch và dự toán?
- Chênh lệch giữa giá thực tế và dự toán có được phê duyệt đầy đủ?
- Chính sách ghi nhận TSCĐ và việc trích khấu hao có hợp lý? Phương pháp tính khấu hao có phù hợp?
- Khi tiến hành thanh lý nhượng bán TSCĐ có thành lập hội đồng gồm các thành viên theo quy định?
- Công tác quản lý bảo quản TSCĐ có được thực hiện theo đúng quy định, nguyên tắc không.

- Đánh giá trọng yếu và rủi ro kiểm soát

Ở bước này, KTV dựa vào thông tin thu thập được để đánh giá, nhận xét và đưa ra kế hoạch kiểm toán phù hợp

- ★ Đánh giá mức trọng yếu

Theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam (VSA) số 320: Trọng yếu được hiểu “Là thuật ngữ dùng để thể hiện tầm quan trọng của một thông tin (một số liệu kế toán) trong BCTC”. Có nghĩa là: thông tin được coi là trọng yếu nếu thiếu thông tin đó hoặc sự thiếu tính chính xác của thông tin đó sẽ ảnh hưởng đến các quyết định của người sử dụng BCTC. Điều đó cho thấy công việc của KTV là xác định xem BCTC có chứa đựng sai sót trọng yếu hay không? Từ đó, đề xuất kiến nghị thích hợp về BCTC với ban giám đốc công ty. Khi tiến hành đánh giá tính trọng yếu KTV cần phải tuân theo các bước sau:

Bước 1: Ước lượng sơ bộ ban đầu: Đây là công việc ước lượng sơ bộ về tính trọng yếu của gian lận và sai sót. KTV ước tính tối đa về gian lận, sai sót mà đảm bảo rằng ở mức độ ước lượng đó chưa ảnh hưởng đến các ý kiến nhận xét của KTV về BCTC và chưa ảnh hưởng đến quyết định của người sử dụng thông tin.

Bước 2: Phân bổ ước lượng sơ bộ ban đầu: Phân bổ các ước tính ban đầu về tính trọng yếu cho các bộ phận, khoản mục trên BCTC.

Bước 3: Ước tính tổng số sai sót (dự kiến) trong từng bộ phận, khoản mục. KTV thường dựa vào những sai sót phát hiện được trong mẫu để ước tính sai sót của toàn bộ khoản mục, bộ phận.

Bước 4: Ước tính sai số kết hợp: Là việc tổng hợp tất cả các sai sót dự kiến của tất cả các khoản mục, bộ phận trong BCTC.

Bước 5: So sánh sai số tổng hợp ước tính với ước lượng ban đầu. Nếu sai số tổng hợp ước tính lớn hơn ước lượng ban đầu thì BCTC của doanh nghiệp không chấp nhận được. Nếu sai số tổng hợp ước tính nhỏ hơn ước lượng ban đầu thì BCTC của doanh nghiệp được chấp nhận.

Tính trọng yếu có ý nghĩa quan trọng trong việc xác định tính trung thực hợp lý của các doanh nghiệp trong các BCTC và thiết lập các phương pháp kiểm toán thích hợp.

Ban đầu KTV ước tính về trọng yếu căn cứ vào tỷ lệ % các chỉ tiêu lợi nhuận, doanh thu, tài sản... cho toàn bộ BCTC. Tiếp theo đó tiến hành phân mức trọng yếu cho các khoản mục trên BCTC. Thông qua các biện pháp kiểm toán, KTV đánh giá mức độ sai sót thực tế của TSCĐ và so sánh với mức có thể chấp nhận được đã xác định từ trước để từ đó đưa ra ý kiến của KTV.

★ Đánh giá rủi ro

Theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 400, “Đánh giá rủi ro kiểm toán là việc KTV và công ty kiểm toán xác định mức độ rủi ro kiểm toán có thể xảy ra cao hay thấp, bao gồm đánh giá rủi ro tiềm tàng, rủi ro kiểm soát và rủi ro phát hiện. Rủi ro kiểm toán được xác định trước khi lập kế hoạch và trước khi thực hiện kiểm toán”.

Để đánh giá rủi ro kiểm toán trong báo cáo tài chính, KTV phải xác định được mức độ rủi ro cao hay thấp bao gồm đánh giá rủi ro tiềm tàng, rủi ro phát hiện, rủi ro kiểm soát. Đó là 3 bộ phận cấu thành rủi ro kiểm toán, mỗi quan hệ được phản ánh bởi mô hình:

$$AR = IR * CR * DR$$

Trong đó:

AR: là rủi ro kiểm toán

CR : là rủi ro kiểm soát

DR : là rủi ro phát hiện

IR : là rủi ro tiềm tàng

Khi tiến hành kiểm toán TSCĐ cần chú ý những rủi ro sau có thể xảy ra:

- Liên quan đến nguyên giá TSCĐ: có thể bị phản ánh sai lệch với thực tế. ghi nhận không đúng giá trị tài sản tăng giảm, kết chuyển nguồn không đúng.

- Liên quan đến khấu hao TSCĐ: phương pháp tính khấu hao không phù hợp, cách tính và phân bổ không hợp lý, không phù hợp với quy định hiện hành.

- Liên quan đến sửa chữa nâng cấp TSCĐ: nghiệp vụ sửa chữa có thể bị hiểu lầm về bản chất với nghiệp vụ nâng cấp và ngược lại. Do đó việc ghi nhận tăng TSCĐ là không đúng.

- Liên quan đến hoạt động thanh lý: xác định nhầm giá trị còn lại của tài sản mang thanh lý. Tài sản đã hết khấu hao nhưng vẫn tiếp tục trích khấu hao.

- Đối với hoạt động cho thuê và đi thuê TSCĐ: nhiều nghiệp vụ đi thuê không được phân loại đúng hình thức thuê cũng như tài sản cho thuê không được phân loại đúng như nội dung hợp đồng cho thuê.

- Trên đây chỉ là một số sai sót tiềm tàng hay gặp phải khi kiểm toán TSCĐ mà KTV cần phải lưu ý. Trong quá trình tiến hành kiểm toán, KTV sử dụng các biện pháp kỹ thuật kiểm toán để phát hiện những sai sót tiềm tàng và hạn chế tối đa rủi ro này.

- Lập kế hoạch kiểm toán tổng thể và thiết kế chương trình kiểm toán

Kế hoạch kiểm toán tổng thể là toàn bộ những dự kiến chi tiết, cụ thể về nội dung, phương pháp, lịch trình và phạm vi các thủ tục kiểm toán được áp

dụng cho một cuộc kiểm toán. Kế hoạch kiểm toán tổng thể do các trưởng nhóm kiểm toán lập và phải được lập cho mọi cuộc kiểm toán. Đây là cơ sở để lập chương trình kiểm toán.

Chương trình kiểm toán là một bảng liệt kê, chỉ dẫn các thủ tục kiểm toán chi tiết tương ứng với mục tiêu kiểm toán của các công việc kiểm toán cụ thể được sắp xếp theo một trình tự nhất định. Chương trình kiểm toán phải được lập cho mọi cuộc kiểm toán, trong đó xác định nội dung, lịch trình và phạm vi của các thủ tục kiểm toán cần thiết.

Kế hoạch kiểm toán tổng thể và chương trình kiểm toán sẽ được sửa đổi, bổ sung trong quá trình kiểm toán nếu có những thay đổi về tình huống hoặc do những kết quả ngoài dự đoán của các thủ tục kiểm toán. Nội dung và nguyên nhân thay đổi kế hoạch kiểm toán tổng thể và chương trình kiểm toán phải được ghi rõ trong hồ sơ kiểm toán

1.2.3.2 Thực hiện kiểm toán

Đây là giai đoạn chủ yếu và quan trọng của cuộc kiểm toán. Các KTV sẽ thực hiện các thử nghiệm và phương pháp phân tích phù hợp với từng đối tượng để thu thập thêm bằng chứng kiểm toán. Thực chất của việc này là triển khai 1 cách chủ động và tích cực các kế hoạch, chương trình kiểm toán, nhằm đưa ra ý kiến xác thực, tính trung thực và hợp lý của các thông tin trên BCTC dựa vào các bằng chứng kiểm toán đầy đủ và có giá trị. Đây là các giai đoạn kiểm toán viên thực hiện các thủ tục kiểm toán được hình thành từ các loại trắc nghiệm, là thủ tục kiểm soát, thủ tục phân tích và thủ tục kiểm tra chi tiết. Giai đoạn thực hiện kiểm toán gồm 2 bước:

Bước 1: Thực hiện các thử nghiệm kiểm soát:

Theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam số 500 quy định: “ Thử nghiệm kiểm soát (kiểm tra hệ thống kiểm soát) là việc kiểm tra để thu thập bằng chứng kiểm toán về sự thiết kế phù hợp và sự vận hành hữu hiệu của hệ thống kế toán và hệ thống KSNB”. Thử nghiệm kiểm soát chỉ được thực hiện khi hệ thống KSNB được đánh giá là có hiệu lực. khi đó thử nghiệm kiểm soát được triển

khai nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về thiết kế và hoạt động của hệ thống KSNB.

KTV thực hiện thử nghiệm khảo sát nội bộ đối với khoản mục TSCĐ thông qua phương thức chủ yếu là quan sát việc quản lý sử dụng TSCĐ tại đơn vị, phỏng vấn những người có liên quan, kiểm tra chứng từ sổ sách, làm lại thủ tục kiểm soát TSCĐ của đơn vị. các nghiệp vụ TSCĐ phải được ghi sổ một cách đúng đắn. KTV phải kiểm tra được toàn bộ quá trình nêu trên để xem xét hệ thống KSNB của đơn vị được kiểm toán. Ngoài ra, căn cứ vào mục tiêu kiểm toán và quá trình khảo sát nghiệp vụ chủ yếu, KTV cũng thực hiện các khảo sát kiểm toán, có thể khái quát các khảo sát phổ biến đối với TSCĐ qua bảng sau:\

Bảng 1.1: Các khảo sát kiểm soát (Thử nghiệm kiểm soát)

Mục tiêu kiểm soát nội bộ	Quy trình kiểm soát nội bộ chủ yếu	Các khảo sát kiểm toán phổ biến
Tình hiệu lực	<ul style="list-style-type: none"> - TSCĐ ghi trong sổ sách hiện do doanh nghiệp quản lý sử dụng, tính độc lập bộ phận quản lý TSCĐ và việc tách biệt bộ phận này với bộ phận ghi sổ. - Sự có thật của công văn xin đề nghị mua TSCĐ công văn duyệt mua, hợp đồng mua, biên bản bàn giao TSCĐ đưa vào sử dụng và thẻ TSCĐ. - Các chứng từ thanh lý nhượng bán TSCĐ được hủy bỏ, tránh việc sử dụng lại. 	<ul style="list-style-type: none"> - Quan sát TSCĐ ở đơn vị và xem xét sự tách biệt giữa các chức năng quản lý và ghi sổ với bộ phận bảo quản TSCĐ. - Kiểm tra chứng từ, sự luân chuyển chứng từ và dấu hiệu của KSNB. - Kiểm tra tính đầy đủ của chứng từ có liên quan đến TSCĐ.

<p>Đầy đủ</p>	<p>- Mỗi TSCĐ có một bộ hồ sơ, được ghi chép từ khi mua, nhận TSCĐ về đơn vị cho tới khi nhượng bán thanh lý TSCĐ. Việc ghi chép, tính nguyên giá TSCĐ đều dựa trên cơ sở chứng từ hợp lệ nêu trên</p>	<p>- Kiểm tra tính đầy đủ của chứng từ có liên quan đến TSCĐ.</p>
<p>Quyền và nghĩa vụ</p>	<p>- TSCĐ thuộc sở hữu của đơn vị được ghi chép vào khoản mục TSCĐ, được doanh nghiệp quản lý và sử dụng. Những TSCĐ không thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp thì được ghi chép ngoài Bảng cân đối kế toán.</p>	<p>- Kết hợp giữa việc kiểm tra vật chất (kiểm kê TSCĐ) với việc kiểm tra chứng từ, hồ sơ pháp lý về quyền sở hữu của tài sản.</p>
<p>Sự phê chuẩn</p>	<p>-Phê chuẩn các nghiệp vụ tăng, giảm, trích khấu hao TSCĐ được phân cấp đối với các nhà quản lý doanh nghiệp.</p>	<p>- Phỏng vấn những người có liên quan. - Kiểm tra dấu hiệu của sự phê chuẩn</p>
<p>Sự chính xác</p>	<p>- Tất cả các chứng từ liên quan tới việc mua, thanh lý TSCĐ ở đơn vị đều được phòng kế toán tập hợp và tính toán đúng đắn. - Việc cộng sổ chi tiết và sổ tổng hợp TSCĐ</p>	<p>- Xem xét dấu hiệu kiểm tra của hệ thống KSNB. - Cộng lại một số chứng từ phát sinh của TSCĐ</p>

	là chính xác và được kiểm tra đầy đủ.	
Tính kịp thời	- Việc ghi sổ và cộng sổ TSCĐ được thực hiện kịp thời ngay khi có nhiệm vụ phát sinh và đáp ứng yêu cầu lập Báo cáo kế toán của DN.	- Kiểm tra tính đầy đủ và kịp thời của việc ghi chép
Phân loại và trình bày	- Doanh nghiệp có quy định về việc phân loại chi tiết TSCĐ phù hợp với yêu cầu quản lý. - Các quy định về trình tự ghi sổ các nghiệp vụ liên quan đến TSCĐ từ ghi sổ chi tiết đến sổ tổng hợp	- Phỏng vấn những người có trách nhiệm để tìm hiểu quy định phân loại TSCĐ trong DN. - Kiểm tra hệ thống tài khoản và sự phân loại sổ sách kế toán. - Xem xét trình tự ghi sổ và dấu hiệu của KSNB.

Bước 2: Thực hiện các thủ tục phân tích và kiểm tra chi tiết

- Thủ tục phân tích

Trước khi tiến hành kiểm tra chi tiết số dư, tình hình tăng giảm trong kỳ, KTV cần đối chiếu số liệu trên sổ chi tiết và sổ cái, các bảng tổng hợp, chi tiết để đảm bảo khớp đúng với số liệu ghi trên sổ. Sau đó KTV cần thu thập lập ra một bảng phân tích trong đó liệt kê số dư đầu kỳ, số phát sinh tăng giảm trong kỳ, để từ đó tính ra số dư cuối kỳ. Số dư đầu kỳ sẽ được kiểm tra thông qua việc đối chiếu với các tài liệu kiểm toán năm trước. đối với các tài sản tăng giảm trong năm, KTV sẽ thu thập thêm bằng chứng chi tiết về các khoản giảm này. Việc thực hiện thủ tục phân tích đối với TSCĐ thông thường cũng được thực hiện thông qua việc tính toán và phân tích một số tỷ suất tài chính sau:

- Tỷ trọng giữa TSCĐ và tổng tài sản nhằm so sánh với số liệu chung của ngành, phát hiện ra các biến động bất thường cần được giải thích.

- So sánh tỉ lệ tổng chi phí khấu hao TSCĐ so với tổng nguyên giá TSCĐ của năm nay so với các năm trước nhằm nhận định, tìm hiểu sai sót có thể có khi tiến hành tính số khấu hao tại kỳ kiểm toán.

- So sánh tỷ lệ khấu hao lũy kế với tổng nguyên giá TSCĐ năm nay với năm trước nhằm phát hiện khả năng khấu hao lũy kế của đơn vị phản ánh không chính xác.

- So sánh tổng giá trị tài sản tăng giảm năm nay với năm trước xem có sự chênh lệch lớn, tìm ra nguyên nhân.

- So sánh tỷ lệ tổng nguyên giá TSCĐ với giá trị tổng sản lượng của các năm trước để tìm kiếm các TSCĐ không sử dụng vào sản xuất kinh doanh hoặc đã được thanh lý nhượng bán nhưng không ghi sổ.

- Thủ tục kiểm tra chi tiết việc kiểm tra chi tiết khoản mục TSCĐ chủ yếu tập trung vào những nghiệp vụ có nhiều nghi vấn như: giá trị nghiệp vụ lớn, so sánh số liệu không phù hợp với thực tế, thiếu các chứng từ liên quan. Mục tiêu của thủ tục kiểm tra chi tiết nghiệp vụ tài sản cố định là tìm ra những điểm bất hợp lý, sai số trong tính toán, hạch toán sai quy định...

Kiểm tra chi tiết tăng, giảm TSCĐ Việc kiểm tra chi tiết các nghiệp vụ tăng, giảm TSCĐ có ý nghĩa quan trọng đối với quá trình kiểm toán TSCĐ. Việc phản ánh đúng đắn các nghiệp vụ này có tác động và ảnh hưởng lâu dài đến các BCTC của đơn vị. Các sai phạm trong việc ghi chép nghiệp vụ tăng giảm TSCĐ không những ảnh hưởng đến các chỉ tiêu trên BCDKT mà còn ảnh hưởng trọng yếu đến các BCTC khác như: Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính. Để thực hiện công việc này cần thực hiện kiểm tra

- So sánh tổng nguyên giá TSCĐ tăng năm nay so với các năm trước.

- Đánh giá tính hợp lý của các nghiệp vụ tăng, giảm TSCĐ với tình hình hoạt động thực tế của đơn vị (khả năng, công suất máy móc thiết bị hiện có, nhu cầu máy móc thiết bị, mức độ cũ mới của máy móc thiết bị...)

- Đánh giá tình hợp lý của việc phê chuẩn giá mua, bán của các TSCĐ tăng giảm trong kỳ.
- Kiểm tra tính đầy đủ, hợp lệ và hợp pháp của các chứng từ liên quan đến nghiệp vụ tăng, giảm TSCĐ (hóa đơn mua, biên bản giao nhận TSCĐ, tài liệu quyết toán vốn đầu tư,...)
- Có thể kết hợp kiểm tra các chứng từ, tài liệu với kiểm tra vật chất thực tế TSCĐ.
- Kiểm tra quá trình mua sắm, các chứng từ tài liệu liên quan đến việc mua sắm TSCĐ, các chi phí vận chuyển, lắp đặt, chạy thử...
- Kiểm tra tính đúng đắn, phù hợp và nhất quán của các chính sách xác định nguyên giá TSCĐ mà doanh nghiệp áp dụng.
- Đối chiếu số liệu trên các chứng từ pháp lý liên quan đến tăng, giảm TSCĐ (hóa đơn, hợp đồng thuê TS, các chứng từ vận chuyển, lắp đặt, biên bản giao nhận...)
- Tính toán lại nguyên giá TSCĐ trên cơ sở các chứng từ đã kiểm tra...
- Kiểm tra chính sách phân loại và sơ đồ hạch toán TSCĐ của doanh nghiệp, đảm bảo sự hợp lý và phù hợp với các quy định hiện hành.
- Chọn mẫu các nghiệp vụ TSCĐ để kiểm tra việc phân loại, xem xét bút toán ghi sổ và các sổ kế toán.
- Đối chiếu các chứng từ tăng, giảm TSCĐ (hóa đơn, biên bản giao nhận,..) với các sổ kế toán chi tiết TSCĐ nhằm đảm bảo việc hạch toán không bị bỏ sót.
- Kiểm tra các khoản chi phí sửa chữa TSCĐ để phát hiện các trường hợp quên ghi sổ TSCĐ, hoặc ghi nhận TSCĐ thành các khoản khác (chi phí trả trước, chi phí XD CB...)
- Kiểm tra đối chiếu ngày, tháng các chứng từ tăng, giảm TSCĐ với ngày tháng ghi sổ các nghiệp vụ này (đặc biệt đối với các nghiệp vụ phát sinh đầu niên độ sau).

- Đối chiếu số liệu giữa các sổ chi tiết, sổ tổng hợp, các bảng kê với nhau và với sổ cái tổng hợp.

- Đối chiếu số liệu trên các sổ kế toán TSCĐ với kết quả kiểm tra thực tế TSCĐ.

Kiểm tra chi tiết số dư các tài khoản TSCĐ:

- Với số dư đầu kỳ: Nếu khoản mục TSCĐ đã được kiểm toán năm trước hoặc đã khẳng định là chính xác thì không phải kiểm tra. Trong trường hợp ngược lại, KTV phải chia số dư đầu kỳ thành các bộ phận nhỏ chi tiết ứng với từng loại TSCĐ và đối chiếu sổ chi tiết với sổ tổng hợp để xem xét tính chính xác của các số dư.

- Với số dư cuối kỳ: dựa trên cơ sở số dư đầu kỳ và nghiệp vụ tăng giảm TSCĐ trong kỳ của doanh nghiệp để xác định, đồng thời cần kiểm tra, đánh giá kết quả kiểm kê TSCĐ của doanh nghiệp. trong quá trình kiểm kê cần chọn mẫu một vài TSCĐ ở sổ chi tiết để đối chiếu với TSCĐ trong thực tế.

Kiểm tra chi phí khấu hao TSCĐ Chi phí khấu hao là một loại chi phí ước tính, nghĩa là việc xác định chi phí phải trích hàng năm là một sự ước tính chứ không phải là chi phí thực tế phát sinh. Mức khấu hao phụ thuộc vào 2 nhân tố là nguyên giá và thời gian trích khấu hao.

Theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 540: “KTV phải thu thập đầy đủ bằng chứng kiểm toán một cách thích hợp về các ước tính kế toán trong báo cáo tài chính. Trích KH TSCĐ là một trong những ước tính kế toán cần được kiểm tra”. Mục tiêu chủ yếu của kiểm toán khấu hao là xem xét việc đánh giá, phân bổ khấu hao của đơn vị đã hợp lý và theo đúng quy định chưa?

Để đáp ứng mục tiêu này, KTV cần xem xét phương pháp tính khấu hao và mức khấu hao đã trích để xác định xem:

- Kiểm tra lại các chính sách khấu hao mà đơn vị đang áp dụng bằng cách xem xét các phương pháp sử dụng có phù hợp với các quy định hay không? Bảng đăng ký trích khấu hao TSCĐ của doanh nghiệp có sự xét duyệt của cấp có thẩm quyền hay không?

- Thu thập, xây dựng bảng phân tích tổng quát về khấu hao với các bước : So sánh số dư đầu kỳ với số liệu kiểm toán năm trước; so sánh tổng số khấu hao tăng giảm với số ghi trên sổ cái; so sánh tổng số dư cuối kỳ trên sổ chi tiết và trên sổ cái.

- Kiểm tra mức khấu hao : So sánh tỷ lệ khấu hao của năm hiện hành với năm trước; so sánh số phát sinh có của TK 214 với chi phí khấu hao ghi trên các TK chi phí; xem xét phương pháp tính khấu hao mà đơn vị đang sử dụng, tính nhất quán trong việc áp dụng phương pháp tính khấu hao; chú ý đến nghiệp vụ mà thời gian sử dụng hay nguyên giá TSCĐ thay đổi. DN cần phải xác định lại mức trích khấu hao trung bình trên cơ sở giá trị còn lại và thời gian còn lại.

• Kiểm tra chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu Mục tiêu của việc kiểm tra này nhằm xác định các khoản chi phí nào sẽ ghi tăng nguyên giá TSCĐ hoặc tính vào chi phí của niên độ. KTV tiến hành kiểm tra tính đầy đủ và chính xác của việc ghi nhận chi phí thông qua việc xác định xem khoản chi phí này có chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó hay không? Nếu phát hiện chi phí phát sinh không thoả mãn điều kiện này thì phải được ghi nhận là chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ. Các khoản chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu của TSCĐ bao gồm: các khoản chi phí sửa chữa, nâng cấp, cải tạo... đối với TSCĐ.

Đối với nguồn chi cho sửa chữa lớn cần xem xét đến hai loại hình sau:

- Sửa chữa lớn nhằm cải tạo, nâng cấp nhằm mục đích kéo dài tuổi thọ cho TSCĐ. Với loại hình này, phát sinh được vốn hóa tức là ghi tăng nguyên giá TSCĐ.

- Sửa chữa lớn nhằm phục hồi năng lực hoạt động của TSCĐ. Chi phí này sẽ được hạch toán vào chi phí của hoạt động sản xuất kinh doanh. Trong loại chi phí này lại được chia thành hai loại nhỏ: Sửa chữa lớn theo kế hoạch và sửa chữa lớn ngoài kế hoạch.

KTV tiến hành xem xét việc tiến hành quyết toán chi phí sửa chữa lớn theo chế độ quy định. Kiểm tra việc hạch toán chi phí sửa chữa lớn thuần và chi phí sửa chữa nâng cấp TSCĐ. Cuối cùng có thể lập ra một bảng phân tích chi

phí phát sinh hàng tháng rồi đối chiếu với số phát sinh năm trước. Bất cứ chênh lệch trọng yếu nào giữa các tháng trong 2 năm đều cần được làm rõ.

1.2.3.3 Kết thúc kiểm toán

Sau khi công việc ở 2 giai đoạn trên được thực hiện cần thiết phải tổng hợp kết quả và phát hành báo cáo kiểm toán. Những nội dung chủ yếu ở giai đoạn này gồm: soát xét lại hồ sơ kiểm toán, soát xét những sự kiện phát sinh sau; đánh giá bằng chứng và tổng hợp kết quả kiểm toán; phát hành báo cáo kiểm toán và thư quản lý.

- Soát xét lại hồ sơ kiểm toán

Sau khi hoàn tất công việc kiểm toán, trưởng nhóm kiểm toán thường soát xét lại toàn bộ giấy tờ làm việc mà các kiểm toán viên đã thực hiện.

Công việc soát xét giấy tờ làm việc nhằm đảm bảo quá trình kiểm toán các phần hành, khoản mục được thực hiện theo đúng kế hoạch, chương trình kiểm toán và tuân thủ theo đúng Chuẩn mực kiểm toán. Từ đó, chứng minh các kết luận trong Báo cáo kiểm toán, mục tiêu kiểm toán đối với các khoản mục và phần hành được thoả mãn. Trường hợp, trong quá trình soát xét lại giấy tờ làm việc nếu trưởng nhóm kiểm toán phát hiện ra những sai sót trong các giấy tờ làm việc, một số vấn đề mới phát sinh có ảnh hưởng tới cuộc kiểm toán thì trưởng nhóm kiểm toán sẽ thảo luận với các kiểm toán viên trong nhóm và yêu cầu các kiểm toán viên làm lại phần kiểm toán đó, thảo luận và bổ sung nhằm hoàn thiện.

- Xem xét các sự kiện phát sinh sau ngày lập BCTC Các cuộc kiểm toán được tiến hành sau ngày kết thúc niên độ kế toán. Do đó, trong khoảng thời gian từ ngày kết thúc niên độ kế toán đến khi hoàn thành Báo cáo kiểm toán có thể xảy ra các sự kiện có ảnh hưởng đến BCTC của doanh nghiệp, KTV có trách nhiệm xem xét các sự kiện xảy ra sau ngày lập BCTC. Để thu thập các sự kiện phát sinh sau ngày khóa sổ KTV có thể sử dụng các thủ tục sau:

- Phòng vấn Ban quản trị, trao đổi với Ban giám đốc khách hàng để xác định những sự kiện liên quan đến các TSCĐ xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán có ảnh hưởng trọng yếu đến BCTC.

- Xem xét lại các Báo cáo nội bộ sau ngày lập BCTC như biên bản họp Hội đồng đồng quản trị, họp Đại hội cổ đông, họp Ban giám đốc.

- Xem xét lại sổ sách được lập sau ngày lập BCTC.

- Kiểm tra các biên bản phát hành sau ngày lập BCTC như biên bản kiểm tra, thanh tra của các cơ quan chức năng.

- Kiểm tra lại kết quả của các khoản công nợ ngoài dự kiến được đánh giá là trọng yếu.

- Xem xét những TSCĐ không sử dụng và được bán sau ngày khóa sổ với giá thấp hơn nguyên giá ghi trên sổ sách.

- Đánh giá bằng chứng và tổng hợp kết quả kiểm toán.

Việc đánh giá của KTV về sự đầy đủ và thích hợp của bằng chứng kiểm toán chủ yếu phụ thuộc vào:

- Tính chất nội dung và mức độ rủi ro tiềm tàng của khoản mục TSCĐ và các nghiệp vụ liên quan.

- Hệ thống kế toán hệ thống KSNB và sự đánh giá về rủi ro kiểm soát đối với chu kỳ.

- Kinh nghiệm của KTV về kiểm toán khoản mục của chu kỳ trong những lần kiểm toán trước.

- Kết quả của các thủ tục kiểm toán, kể cả sai sót và gian lận đã được phát hiện.

- Nguồn gốc và độ tin cậy của tài liệu thông tin. Sau khi đánh giá các bằng chứng đã thu thập được, KTV phải đưa ra ý kiến rằng các chỉ tiêu của khoản mục TSCĐ trên BCTC có đảm bảo tính trung thực hợp lý xét trên các khía cạnh trọng yếu không, các mục tiêu của kiểm toán có thỏa mãn không.

- Phát hành BCKT và thư quản lý

Việc phát hành BCKT và thư quản lý nhằm mục đích đảm bảo cuộc kiểm toán đã được kiểm soát chặt chẽ từ khâu lập kế hoạch kiểm toán đến khi kết thúc kiểm toán, tuân thủ các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam; các bằng chứng kiểm toán thích hợp đã được thu thập đầy đủ phục vụ cho việc đưa ra ý kiến kiểm toán.

Sau khi tổng hợp kết quả kiểm toán của các phần hành, KTV đưa ra ý kiến xác nhận về tính trung thực hợp lý của BCTC cũng như việc tuân thủ chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành trên BCKT. Ý kiến của KTV và công ty kiểm toán đối với BCTC đã được kiểm toán có thể là một trong bốn loại sau: ý kiến chấp nhận toàn phần, ý kiến chấp nhận từng phần, ý kiến trái ngược và từ chối đưa ra ý kiến.

Cùng với việc phát hành BCKT, KTV có thể phát hành thư quản lý đề đưa ra các kiến nghị nhằm giúp đỡ khách hàng chấn chỉnh công tác quản lý tài chính, kế toán xây dựng và hoàn thiện hệ thống kế toán và hệ thống KSNB. Thư quản lý mô tả về từng sự kiện cụ thể, gồm: hiện trạng thực tế, khả năng rủi ro, kiến nghị của KTV và ý kiến của người quản lý liên quan đến sự kiện đó.

Sau khi cuộc kiểm toán kết thúc, KTV vẫn phải có trách nhiệm xem xét các sự kiện có thể xảy ra sau khi phát hành BCKT đối với BCTC nói chung và khoản mục TSCĐ nói riêng. Khi KTV nhận thấy hoặc được doanh nghiệp thông báo rằng có sự kiện xảy ra sau ngày kí BCKT có ảnh hưởng trọng yếu đến BCTC, thì KTV phải cân nhắc có nên sửa lại BCKT hay không. Trong trường hợp này KTV phải trao đổi với Ban giám đốc khách hàng và có biện pháp thích hợp tùy theo từng trường hợp cụ thể.

**CHƯƠNG 2: HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KIỂM TOÁN KHOẢN MỤC
TSCĐ TRONG KIỂM TOÁN BCTC DO CÔNG TY TNHH NEXIA STT –
CHI NHÁNH AN PHÁT THỰC HIỆN**

2.1 Khái quát chung về công ty TNHH Nexia STT – Chi nhánh An Phát

2.1.1 Quá trình hình thành và phát triển

2.1.1.1 Lịch sử hình thành và phát triển của công ty.

Được thành lập vào năm 2006, Công ty được Sở kế hoạch đầu tư TP Hải Phòng cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh ngày 15 tháng 09 năm 2006, và chính thức đi vào hoạt động với số vốn điều lệ là 5.000.000.000 đồng (Năm tỷ Việt Nam đồng). Người đại diện pháp lý hiện tại là Bà Trần Thị Hương. Tính đến thời điểm hiện tại công ty đã 21 lần thay đổi giấy phép đăng ký kinh doanh. Đăng ký lần đầu ngày 15 tháng 9 năm 2006, đăng ký thay đổi lần thứ 21 ngày 07 tháng 07 năm 2016.

Công ty TNHH Nexia Stt – Chi nhánh An Phát (ASP) là một trong những doanh nghiệp kiểm toán đầu tiên được thành lập theo Nghị định số 105/NĐ – CP ngày 30 tháng 03 năm 2004 của Chính phủ ban hành quy chế kiểm toán độc lập trong ngành kinh tế quốc dân

- Tên viết tắt : APS
- Tên tiếng anh: Anphat Auditing and Accounting Consultancy Co.Ltd
- Trụ sở: 245 Bạch Đằng – Thượng Lý – Hồng Bàng – Hải Phòng
- Số điện thoại: 02252.539.555 Fax: 02253.539.789
- Email: ktanphat@gmail.com
- Mã số thuế: 0200689059

2.1.1.2 Mục tiêu và phương châm hoạt động

- Mục tiêu

Mục tiêu hoạt động của chúng tôi là nhằm cung cấp các dịch vụ tư vấn kế toán, tư vấn lập Báo cáo thuế và Kiểm toán Báo cáo tài chính với uy tín và chất lượng, đảm bảo quyền lợi hợp pháp của khách hàng, cung cấp những thông tin với độ tin cậy cao cho công tác quản lý tài chính và điều hành hoạt động sản

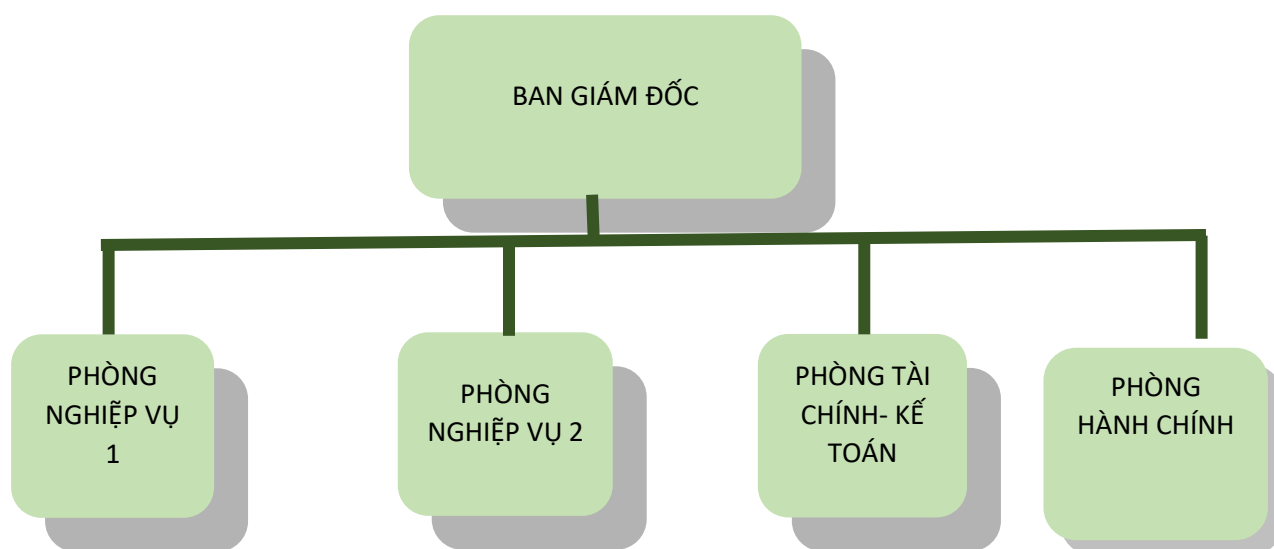
xuất kinh doanh, mang lại hiệu quả cao nhất. Hơn thế nữa, với kinh nghiệm thực tiễn về tư vấn tài chính kế toán, gần gũi với khách hàng, tận tình, thông thạo nghiệp vụ và hiểu biết kinh nghiệm thực tế tại Việt Nam, chúng tôi hiểu rõ các yêu cầu trong quản lý, các khó khăn có thể gặp phải trong hoạt động và sẽ hỗ trợ khách hàng giải quyết tốt các vấn đề mà ít có một tổ chức dịch vụ tư vấn tài chính kế toán nào có thể thực hiện được.

- Phương châm hoạt động

Chúng tôi luôn đảm bảo chất lượng dịch vụ tốt nhất trong mọi lĩnh vực. Các chuyên gia của NEXIA STT luôn tuân thủ phương châm hoạt động của mình, đó là: độc lập, trung thực, khách quan và bảo mật, tuân thủ các quy định của Nhà nước Việt Nam. Chúng tôi cũng luôn nhận thức được lợi ích hợp pháp của khách hàng, thực hiện và bảo vệ lợi ích chính đáng của mình.

2.1.1.3 Đặc điểm của hoạt động sản xuất kinh doanh

- Dịch vụ kiểm toán
- Dịch vụ kế toán và tài chính doanh nghiệp
- Dịch vụ tư vấn thuế
- Dịch vụ tư vấn doanh nghiệp
- Tư vấn quản lý và hoạt động doanh nghiệp
- Dịch vụ tư vấn phát triển và quản lý công
- Tư vấn, lập cáo cáo chuyển giá
- Dịch vụ kiểm toán báo cáo tài chính và soát xét Báo cáo kế toán



SƠ ĐỒ TỔ CHỨC BỘ MÁY CÔNG TY

Trong đó:

- Ban giám đốc gồm 4 thành viên. Ban giám đốc sẽ họp mỗi tháng một lần để nắm bắt tình hình của công ty. Ban giám đốc sẽ chịu trách nhiệm trước công ty, hội đồng thành viên và pháp luật về công ty. Trong ban giám đốc thì giám đốc chịu trách nhiệm quản lý và điều hành hoạt động chung của công ty. Giám đốc công ty hội đồng thành viên bổ nhiệm, giám đốc công ty là người trực tiếp đánh giá rủi ro của cuộc kiểm toán và mọi hồ sơ kiểm toán và cũng là người đại diện cho công ty ký phát hành báo cáo kiểm toán và thư quản lý.

- Các phòng nghiệp vụ do trưởng phòng đứng đầu. Trưởng phòng nghiệp vụ quản lý và chịu trách nhiệm về các hoạt động của phòng nghiệp vụ, tương ứng, giám sát, quản lý các nhân viên chuyên nghiệp trong phòng, trong công việc, đặc biệt là trong khi làm việc với khách hàng trưởng phòng nghiệp vụ cũng là người sắp xếp các công việc do các thành viên của mình thực hiện kiểm soát chất lượng công việc.

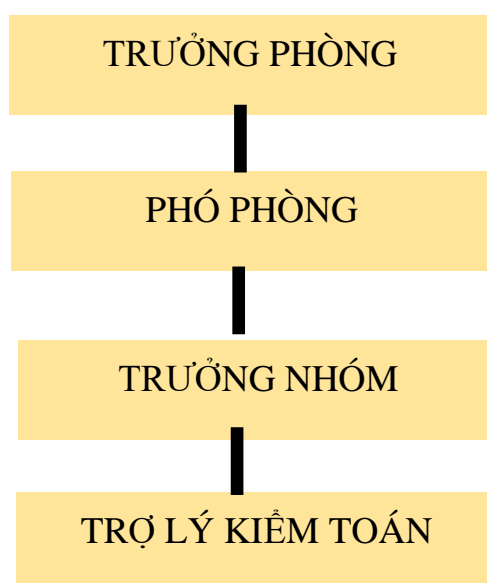
- Phòng tài chính kế toán với chức năng kế toán giúp việc cho giám đốc tổ chức và thực hiện toàn bộ các công tác tài chính kế toán, thông tin kế toán, tổ chức hạch toán kinh tế trong nội bộ công ty theo đúng chế độ chính sách và pháp luật nhà nước về tài chính tín dụng và theo chế độ tổ chức kế toán pháp lệnh kế toán thống kê của nhà nước về công tác quản lý tài chính.

- Phòng hành chính với chức năng tài vụ là phòng chức năng giúp giám đốc trong công việc thực hiện các phương án sắp xếp và cải tiến tổ chức sản xuất kinh doanh tổ chức quản lý, tuyển dụng và phân phối nhân lực nhằm đáp ứng nhu cầu hoạt động theo từng thời kỳ. Đồng thời, tổ chức thực hiện đúng đắn các chính sách chế độ đối với người lao động.

Thông thường, sau khi một hợp đồng được ký kết bởi các thành viên của ban giám đốc, trưởng nhóm kiểm toán sẽ chịu trách nhiệm xem xét, lập kế hoạch kiểm toán và chịu trách nhiệm sắp xếp toàn bộ hồ sơ kiểm toán cũng như báo cáo kiểm toán trước khi trình duyệt ban giám đốc xem xét lần cuối. Đối với những khách hàng lớn, yêu cầu của những sự hợp nhất kết quả kiểm toán khi phát hành báo cáo kiểm toán, nhóm trưởng kiểm toán là người chịu trách nhiệm giám sát trực tiếp việc thực hiện của các nhóm kiểm toán tại các cơ sở kiểm toán khác nhau.

Với cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý như trên Ban giám đốc của công ty kiểm toán và tư vấn kế toán An Phát đã thực hiện quản lý có hiệu quả tất cả các hoạt động của công ty mọi hoạt động liên quan đến cuộc kiểm toán, từ khâu chào thầu tới khi ký kết hợp đồng đến phát hành báo cáo kiểm toán trong đó bao gồm việc lập và thực hiện các thử nghiệm kiểm soát được thiết kế và thực hiện có hiệu quả, đảm bảo chất lượng, tạo dựng được lòng tin của khách hàng đối với công ty.

2.1.1.5 Sơ đồ bộ máy tổ chức kiểm toán của công ty



SƠ ĐỒ BỘ MÁY KIỂM TOÁN

Trong đó:

- *Trưởng phòng* là người chịu trách nhiệm lập kế hoạch và điều hành hoạt động của phòng kiểm toán:

Khảo sát tình hình khách hàng và đưa ra mức phí kiểm toán.

Lập kế hoạch và phân công nhân lực.

Trực tiếp điều hành các hợp đồng kiểm toán có quy mô lớn, phức tạp có tính rủi ro cao.

Rà soát báo cáo kiểm toán trước khi trình giám đốc ký duyệt.

- *Phó phòng*: Hỗ trợ trưởng phòng trong việc phân công nhân lực thực hiện hợp đồng kiểm toán và điều hành phòng kiểm toán.

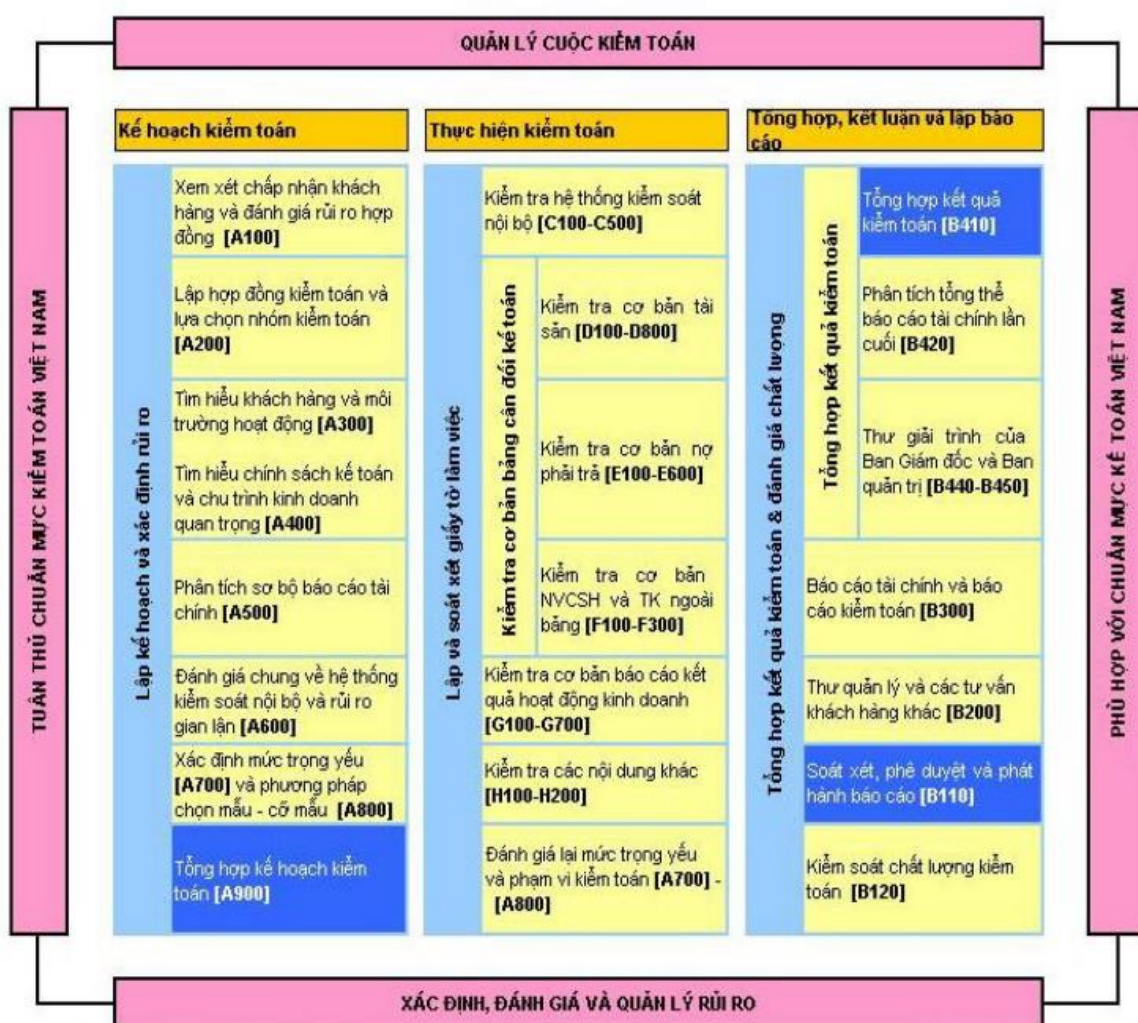
- *Trưởng nhóm*: Chịu trách nhiệm thực hiện các hợp đồng kiểm toán và phát hành báo cáo kiểm toán, phân công và hướng dẫn các trợ lý thực hiện các hợp đồng kiểm toán.

- *Trợ lý kiểm toán*: Thực hiện công việc theo sự hướng dẫn và chỉ đạo của trưởng nhóm.

2.1.2 Quy trình kiểm toán

Nhằm cung cấp các dịch vụ tư vấn kế toán, tư vấn lập Báo cáo thuế và Kiểm toán Báo cáo tài chính với uy tín và chất lượng, đảm bảo quyền lợi hợp pháp của khách hàng, cung cấp những thông tin với độ tin cậy cao cho công tác quản lý tài chính và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh, mang lại hiệu quả cao nhất.

CHU TRÌNH KIỂM TOÁN



SƠ ĐỒ CHU TRÌNH KIỂM TOÁN

2.2 Thực trạng công tác kiểm toán khoản mục tài sản cố định trong kiểm toán BCTC tại Công ty TNHH MACS LOGISTICS do Công ty TNHH Nexia STT – Chi nhánh An Phát thực hiện

2.2.1 Giới thiệu chung về công ty khách hàng

2.2.1.1 Giới thiệu chung

Công ty TNHH Macs Logistics là Công ty TNHH hai thành viên trở lên được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0312860265 ngày 17/7/2014, đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 08/8/2017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Loại hình doanh nghiệp: Công ty trách nhiệm hữu hạn

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Lầu 3, 89 Pasteur, phường Bến Nghé, Quận 1, tp Hồ Chí Minh

Vốn điều lệ của công ty là: 6.800.000.000 VND (Sáu tỷ tám trăm triệu đồng)

Mã số thuế : 0312860265

Người đại diện theo pháp luật: Ông Bùi Xuân Văn, sinh ngày 05/4/1978, quốc tịch: Việt Nam, số căn cước công dân: 030078002460 do Cục trưởng Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư cấp ngày 13/12/2016; Chức danh: Giám đốc. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: 12 Nguyễn Lương Bằng, khu 8, phường Việt Hòa, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương, Việt Nam. Chỗ ở hiện tại: 2/3B đường 106, tổ 7, khu phố 1, phường Tăng Nhơn Phú A, Quận 9, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Nhà đầu tư:

Nhà đầu tư thứ nhất: Công ty Cổ phần Hàng Hải Macs; Mã số doanh nghiệp: 0302326311 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 24/5/2001; Trụ sở chính: 89 Pasteur, phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam; Đại diện pháp luật: Lê Duy Hiệp, chức danh: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Nhà đầu tư thứ hai: Ông Bùi Xuân Văn; quốc tịch: Việt Nam.

Ngành nghề kinh doanh:

Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải chi tiết: Dịch vụ giao nhận hàng hóa, dịch vụ vận tải, dịch vụ Logistics.

2.2.1.2 Tổ chức công tác kế toán

- *Kỳ kế toán:* Bắt đầu từ 01/01 và kết thúc ngày 31/12
- *Đơn vị tiền tệ áp dụng trong kỳ kế toán:* Việt Nam Đồng (VNĐ)

- *Chế độ kế toán áp dụng:*

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016 của Bộ Tài chính.

- *Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán Việt Nam:* Công ty đã áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do nhà Nước đã ban hành. Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

- *Hình thức sổ kế toán áp dụng:* Kế toán trên máy tính.

2.2.2 Lập kế hoạch kiểm toán

2.2.2.1 Xem xét chấp nhận khách hàng và rủi ro hợp đồng

Đây là công việc chuẩn bị trước khi tiến hành kiểm toán được công ty Nexia thực hiện nhằm xác định có thể tiếp tục kiểm toán cho một khách hàng cũ hay thực hiện một hợp đồng kiểm toán với khách hàng mới. Trên cơ sở đó KTV sẽ xây dựng kế hoạch kiểm toán phù hợp. Hàng năm, Công ty Nexia đều tiến hành gửi thư chào đến tất cả các khách hàng để giới thiệu về những dịch vụ mà công ty cung cấp, đồng thời dựa vào đó để thiết lập các điều khoản trong hợp đồng kiểm toán. Trước khi kí kết hợp đồng, KTV phải thu thập những thông tin chung nhất và khách hàng như đặc điểm ngành nghề kinh doanh, cơ cấu bộ máy quản lý, chế độ kế toán doanh nghiệp áp dụng... Công ty TNHH MACS LOGISTICS là khách hàng cũ của công ty Nexia. Năm 2020 đã bắt đầu kiểm toán lần thứ nhất, nên căn cứ vào hồ sơ kiểm toán năm trước cũng như tình hình kinh doanh của Công ty TNHH MACS LOGISTICS, Công ty đánh giá rủi ro trung bình, chấp nhận hợp đồng kiểm toán và quyết định kí hợp đồng thực hiện kiểm toán BCTC cho năm 2021

2.2.2.2 Lập hợp đồng kiểm toán và lực chọn nhóm kiểm toán

Đối với các cuộc kiểm toán, KTV cần đồng ý với khách hàng về những điều khoản trong hợp đồng trước khi tiến hành kiểm toán. Các điều khoản này được trình bày văn bản và được trao đổi với khách hàng. Hợp đồng kiểm toán được ký kết là thời điểm khởi đầu của cuộc kiểm toán, Công ty TNHH Kiểm

toán Nexia xem xét những yêu cầu của khách hàng để lập kế hoạch kiểm toán và phân công lao động phù hợp cho cuộc kiểm toán. Số lượng, chất lượng của cuộc kiểm toán phụ thuộc vào độ phức tạp của công việc, quy mô của đơn vị khách hàng và yêu cầu cụ thể của từng khách hàng. Đoàn kiểm toán tại Công ty Công ty TNHH MACS LOGISTICS này gồm có 05 thành viên. Cuộc kiểm toán sẽ được thực hiện trong 03 ngày, bắt đầu từ ngày 22/02/2022 đến hết ngày 27/02/2022.

THÀNH VIÊN CỦA CUỘC KIỂM TOÁN

TT	Nội dung công việc, bộ phận tiến hành	Họ và tên	Xác nhận
	Kiểm toán viên ký BC	Võ Công Quyết	
	Kiểm toán viên soát xét BC	Trần Thị Minh Tần	
	Nhóm kiểm toán		
	Người tổng hợp thứ nhất	Trần Thị Quý	
	Thành viên 1	Vũ Thị Minh Châu	
	Thành viên 2	Lê Việt Hùng	

2.2.2.3 Thu Thập Thông tin khách hàng

- Tìm hiểu khách hàng và môi trường hoạt động

Sau khi đánh giá rủi ro, chấp nhận hợp đồng kiểm toán, thiết lập và kí kết hợp đồng kiểm toán, cũng như thành lập đoàn kiểm toán, KTV tiến hành thu thập thông tin khách hàng. Để thu thập tình hình kinh doanh khách hàng, KTV phải kết hợp quan sát hoạt động kinh doanh phỏng vấn ban quản lý và thu thập các văn bản pháp lý: Giấy chứng nhận thành lập doanh nghiệp, giấy phép đầu tư, điều lệ công ty, các BCTC, BCKT, các hợp đồng, cam kết quan trọng,...

- Tên khách hàng:

Công ty TNHH Macs Logistics là Công ty TNHH hai thành viên trở lên được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0312860265 ngày 17/7/2014, đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 08/8/2017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp.

- Ngành nghề kinh doanh:

Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải chi tiết: Dịch vụ giao nhận hàng hóa, dịch vụ vận tải, dịch vụ Logistics.

- Kỳ kế toán: Bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc ngày 31/12
- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đồng Việt Nam (VNĐ)
- Chuẩn mực và chế độ áp dụng:

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán: Báo cáo tài chính được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VNĐ), được lập dựa trên các nguyên tắc kế toán phù hợp với quy định của Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016 của Bộ Tài chính.

- Hình thức kế toán áp dụng: Kế toán trên máy vi tính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

- Chế độ kế toán áp dụng trong khoản mục Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định:

Nguyên tắc ghi nhận:

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013, Thông tư 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016, Thông tư 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 và các văn bản sửa đổi, bổ sung liên quan của Bộ Tài chính về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng, thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Máy móc, thiết bị 07 Năm
- Phương tiện vận tải 06 - 10 Năm

• Đề quá trình kiểm toán được thực hiện thuận lợi, KTV lên danh sách tài liệu cần thiết để Công ty khách hàng kịp thời cung cấp. Gồm:

- Báo cáo tình hình tài chính năm nay trước kiểm toán về khoản mục TSCĐ

MS		Tài sản		Năm nay	Năm trước
100	A	TÀI SẢN NGẮN HẠN		4.655.641.983	5.745.514.855
110	I	Tiền và các khoản tương đương tiền		1.100.954.988	949.078.392
111		Tiền		1.100.954.988	949.078.392
		<i>Tiền mặt tại quỹ</i>		<i>812.418.812</i>	<i>802.170.457</i>
		<i>Tiền gửi ngân hàng</i>		<i>288.536.176</i>	<i>146.907.935</i>
130	III	Các khoản phải thu ngắn hạn		3.003.138.037	4.002.562.167
131		Phải thu ngắn hạn của khách hàng		2.215.289.437	2.717.563.167
132		Trả trước cho người bán ngắn hạn		7.713.600	6.000.000
136		Phải thu ngắn hạn khác		780.135.000	1.278.999.000
		<i>Phải thu khác</i>		<i>580.135.000</i>	<i>1.065.207.000</i>
		<i>Tạm ứng</i>		<i>50.000.000</i>	<i>63.747.000</i>
		<i>Phải trả phải nộp khác</i>			<i>45.000</i>
		<i>Cầm cố, thế chấp, kí quỹ, kí cược</i>		<i>150.000.000</i>	<i>150.000.000</i>
150	V	Tài sản ngắn hạn khác		551.548.868	793.874.296
151		Chi phí trả trước ngắn hạn		551.548.868	793.874.296
200	B	TÀI SẢN DÀI HẠN		5.509.651.360	7.612.366.520
220	II	Tài sản cố định	7	5.486.564.109	7.552.454.577
221		<i>Nguyên giá tài sản cố</i>		<i>15.563.213.963</i>	<i>15.563.213.963</i>

Trường Đại học Quản Lý và Công Nghệ Hải Phòng

		<i>định</i>			
222		<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>		<i>(10.076.649.854)</i>	<i>(8.010.759.386)</i>
260	XI	Tài sản dài hạn khác	8	23.087.251	59.911.943
261		<i>Chi phí trả trước dài hạn</i>		<i>23.087.251</i>	<i>59.911.43</i>
300		TỔNG CỘNG TÀI SẢN		10.165.293.253	13.357.881.375

- Bảng cân đối số phát sinh khoản mục TSCĐ

Tài khoản	Tên tài khoản	Dư nợ đầu	Dư có đầu	Phát sinh nợ	Phát sinh có	Dư nợ cuối	Dư có cuối
211	<i>Tài sản cố định</i>	<i>15.563.213.963</i>				<i>15.563.213.963</i>	
2111	<i>Tài sản cố định hữu hình</i>	<i>15.563.213.963</i>				<i>15.563.213.963</i>	
214	<i>Hao mòn tài sản cố định</i>		<i>8.010.759.386</i>		<i>2.065.890.468</i>		<i>10.076.649.854</i>
2141	<i>Hao mòn tài sản cố định hữu hình</i>		<i>8.010.759.386</i>		<i>2.065.890.468</i>		<i>10.076.649.854</i>

- Sổ tổng hợp tài sản cố định

CÔNG TY TNHH MACS LOGISTICS

Lầu 3, 89 Pasteur, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP Hồ Chí Minh

Sổ tổng hợp tài sản cố định/ Bảng khấu hao TSCĐ
Năm 2021

Mã tài sản	Tên, đặc điểm, ký hiệu TSCĐ	Nguyên giá đầu kỳ	Hao mòn đầu kỳ	GT còn lại đầu kỳ	TIEN_NG_TANG	TIEN_HM_TANG	TIEN_NG_GIAM	TIEN_HM_GIAM	Nguyên giá cuối kỳ	Hao mòn cuối kỳ	GT còn lại cuối kỳ	Số lượng	Đvt	Số tháng KH	Ngày Ps
211	Tài sản cố định hữu hình	15.563.213.963	8.010.759.386	7.552.454.577		2.065.890.468			15.563.213.963	10.076.649.854	5.486.564.109				
2112	Máy móc, thiết bị	130.000.000	4.642.860	125.357.140		18.571.440			130.000.000	23.214.300	106.785.700				
YANMAR-101508	Máy phát điện YANMAR-1058	65.000.000	2.321.430	62.678.570		9.285.720			65.000.000	11.607.150	53.392.850	1,00		84	25/09/2020
YANMAR-300698	Máy phát điện YANMAR-1058	65.000.000	2.321.430	62.678.570		9.285.720			65.000.000	11.607.150	53.392.850	1,00		84	25/09/2020
2113	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	15.433.213.963	8.006.116.526	7.427.097.437		2.047.319.028			15.433.213.963	10.053.435.554	5.379.778.409				
DAUKEO 51C-930.11	Xe đầu kéo INTERNATIONAL 51C-930.11	618.132.545	315.505.169	302.627.376		77.266.572			618.132.545	392.771.741	225.360.804	1,00	Chiếc	96	23/11/2016
DAUKEO 51C-931.66	Xe đầu kéo INTERNATIONAL 51C-931.66	618.132.545	315.505.169	302.627.376		77.266.572			618.132.545	392.771.741	225.360.804	1,00	Chiếc	96	23/11/2016
DAUKEO 51D-31292	Xe đầu kéo	555.596.364	190.986.246	364.610.118		69.449.544			555.596.364	260.435.790	295.160.574	1,00	Chiếc	96	15/03/2018

Trường Đại học Quản Lý và Công Nghệ Hải Phòng

	INTERNATIONAL 51D- 312.92														
DAUKEO 51D- 313.05	Xe đầu kéo INTERNATIONAL 51D- 313.05	555.596.364	190.986.246	364.610.118		69.449.544			555.596.364	260.435.790	295.160.574	1,00	Ch iếc	96	15/03/ 2018
DAUKEO MY51C48 288	Xe đầu kéo FREIGHT LINER 51C- 48288	1.497.230.000	1.122.922.512	374.307.488		187.153.752			1.497.230.000	1.310.076.264	187.153.736	1,00	Ch iếc	96	16/12/ 2014
DAUKEO MY51C48 723	Xe đầu kéo FREIGHT LINER 51C- 48723	1.497.230.000	1.122.922.512	374.307.488		187.153.752			1.497.230.000	1.310.076.264	187.153.736	1,00	Ch iếc	96	16/12/ 2014
DAUKEO MY51C54 538	Xe đầu kéo INTERNATIONAL 51C- 54538	308.870.400	111.536.542	197.333.858		51.478.404			308.870.400	163.014.946	145.855.454	1,00	Ch iếc	72	01/10/ 2018
DAUKEO MY51C64 701	Xe đầu kéo FREIGHT LINER 51C- 64701	836.181.818	754.886.340	81.295.478		81.295.478			836.181.818	836.181.818		1,00	Ch iếc	72	31/07/ 2015
DAUKEO MY51C65 563	Xe đầu kéo FREIGHT LINER 51C- 65563	836.331.818	755.021.800	81.310.018		81.310.018			836.331.818	836.331.818		1,00	Ch iếc	72	30/07/ 2015
DAUKEO MY51D05 886	Xe đầu kéo INTERNATIONAL 51D- 058.86	305.961.600	110.486.142	195.475.458		50.993.604			305.961.600	161.479.746	144.481.854	1,00	Ch iếc	72	01/10/ 2018
DAUKEO MY51D05	Xe đầu kéo	305.961.600	106.236.675	199.724.925		50.993.604			305.961.600	157.230.279	148.731.321	1,00	Ch iếc	72	01/10/ 2018

Trường Đại học Quản Lý và Công Nghệ Hải Phòng

911	INTERNATIONAL 51D-059.11														
DAUKEO MY51D35 144	Xe đầu kéo INTERNATIONAL 51D-351.44	424.130.000	123.704.574	300.425.426		70.688.328			424.130.000	194.392.902	229.737.098	1,00	Ch iếc	72	19/03/ 2019
DAUKEO MY51D39 445	Xe đầu kéo INTERNATIONAL 51D-39445	785.081.818	32.711.744	752.370.074		98.135.232			785.081.818	130.846.976	654.234.842	1,00	Ch iếc	96	01/08/ 2020
DAUKEO MY51D39 680	Xe đầu kéo INTERNATIONAL 51D-39680	785.081.818	32.711.744	752.370.074		98.135.232			785.081.818	130.846.976	654.234.842	1,00	Ch iếc	96	01/08/ 2020
ROMOOC HH51R- 10308	Romooc HÀNG HẢI - 51R- 103.80	51.100.000	18.452.772	32.647.228		8.516.664			51.100.000	26.969.436	24.130.564	1,00	Ch iếc	72	01/10/ 2018
ROMOOC HH51R- 10603	Romooc HÀNG HẢI - 51R- 106.03	51.100.000	18.452.772	32.647.228		8.516.664			51.100.000	26.969.436	24.130.564	1,00	Ch iếc	72	01/10/ 2018
ROMOOC HH51R- 10832	Romooc HÀNG HẢI - 51R- 108.32	51.100.000	18.452.772	32.647.228		8.516.664			51.100.000	26.969.436	24.130.564	1,00	Ch iếc	72	01/10/ 2018
ROMOOC KCT- 06453	Romooc KCT- 06453	214.620.000	172.143.125	42.476.875		26.827.500			214.620.000	198.970.625	15.649.375	1,00	Ch iếc	96	01/08/ 2014
ROMOOC NH51R- 21677	Romooc NAM HÀN - 51R- 216.77	153.300.000	59.616.676	93.683.324		25.550.004			153.300.000	85.166.680	68.133.320	1,00	Ch iếc	72	15/08/ 2018
ROMOOC NH51R- 21691	Romooc NAM HÀN -	153.300.000	59.616.676	93.683.324		25.550.004			153.300.000	85.166.680	68.133.320	1,00	Ch iếc	72	15/08/ 2018

Trường Đại học Quản Lý và Công Nghệ Hải Phòng

	51R-216.91														
ROMOOC PT51R-22270	Romooc PHUỐC THIÊN - 51R-222.70	199.754.545	52.713.011	147.041.534		33.292.428			199.754.545	86.005.439	113.749.106	1,00	Ch iếc	72	15/05/2019
ROMOOC PT51R-22298	Romooc PHUỐC THIÊN - 51R-222.98	199.754.545	52.713.011	147.041.534		33.292.428			199.754.545	86.005.439	113.749.106	1,00	Ch iếc	72	15/05/2019
ROMOOC PT51R-22405	Romooc PHUỐC THIÊN - 51R-224.05	199.754.545	52.713.011	147.041.534		33.292.428			199.754.545	86.005.439	113.749.106	1,00	Ch iếc	72	15/05/2019
ROMOOC PT51R-22489	Romooc PHUỐC THIÊN - 51R-224.89	199.754.545	52.713.011	147.041.534		33.292.428			199.754.545	86.005.439	113.749.106	1,00	Ch iếc	72	15/05/2019
ROMOOC PT51R-22516	Romooc PHUỐC THIÊN - 51R-225.16	199.754.545	52.713.011	147.041.534		33.292.428			199.754.545	86.005.439	113.749.106	1,00	Ch iếc	72	15/05/2019
ROMOOC TANTHA NH-07331	Romooc TÂN THANH - 51R-07331	215.480.000	166.099.142	49.380.858		26.934.996			215.480.000	193.034.138	22.445.862	1,00	Ch iếc	96	22/10/2014
ROMOOC TANTHA NH-07381	Romooc TÂN THANH - 51R-07381	215.480.000	166.099.142	49.380.858		26.934.996			215.480.000	193.034.138	22.445.862	1,00	Ch iếc	96	31/10/2014
ROMOOC TANTHA NH-08304	Romooc TÂN THANH - 51R-08304	215.480.000	166.099.142	49.380.858		26.934.996			215.480.000	193.034.138	22.445.862	1,00	Ch iếc	96	13/11/2014
ROMOOC TANTHA NH-08343	Romooc TÂN THANH - 51R-08343	215.480.000	161.609.976	53.870.024		26.934.996			215.480.000	188.544.972	26.935.028	1,00	Ch iếc	96	17/12/2014
ROMOOC TANTHA NH-08717	Romooc TÂN THANH - 51R-08717	215.480.000	161.609.976	53.870.024		26.934.996			215.480.000	188.544.972	26.935.028	1,00	Ch iếc	96	17/12/2014
ROMOOC	Romooc	214.470.909	147.448.752	67.022.157		26.808.864			214.470.909	174.257.616	40.213.293	1,00	Ch	96	27/06/

Trường Đại học Quản Lý và Công Nghệ Hải Phòng

TANTHA NH-10956	TÂN THANH - 51R-10956												Ch i		2015
ROMOOC TANTHA NH-11139	Romooc TÂN THANH - 51R-11139	171.023.636	117.176.463	53.847.173		21.377.952			171.023.636	138.554.415	32.469.221	1,00	Ch i	96	08/07/ 2015
ROMOOC TANTHA NH-11175	Romooc TÂN THANH - 51R-11175	171.023.636	115.797.240	55.226.396		21.377.952			171.023.636	137.175.192	33.848.444	1,00	Ch i	96	16/07/ 2015
ROMOOC TANTHA NH-11528	Romooc TÂN THANH - 51R-11528	171.023.636	116.774.189	54.249.447		21.377.952			171.023.636	138.152.141	32.871.495	1,00	Ch i	96	08/07/ 2015
ROMOOC TANTHA NH-30092	Romooc TÂN THANH - 51R- 300.92	262.339.455	144.833.259	117.506.196		32.792.436			262.339.455	177.625.695	84.713.760	1,00	Ch i	96	13/07/ 2016
ROMOOC TANTHA NH-30100	Romooc TÂN THANH - 51R- 301.00	262.339.455	144.833.259	117.506.196		32.792.436			262.339.455	177.625.695	84.713.760	1,00	Ch i	96	13/07/ 2016
ROMOOC TANTHA NH-30308	Romooc TÂN THANH - 51R-30308	176.677.273	93.859.788	82.817.485		22.084.656			176.677.273	115.944.444	60.732.829	1,00	Ch i	96	22/09/ 2016
ROMOOC TANTHA NH-30348	Romooc TÂN THANH - 51R-30348	176.677.273	93.859.788	82.817.485		22.084.656			176.677.273	115.944.444	60.732.829	1,00	Ch i	96	22/09/ 2016
ROMOOC TANTHA NH-32707	Romooc TÂN THANH - 51R- 327.07	166.307.273	38.149.335	128.157.938		27.717.876			166.307.273	65.867.211	100.440.062	1,00	Ch i	72	16/08/ 2019
ROMOOC TANTHA NH-32713	Romooc TÂN THANH - 51R- 327.13	166.307.273	38.149.335	128.157.938		27.717.876			166.307.273	65.867.211	100.440.062	1,00	Ch i	72	16/08/ 2019
ROMOOC TANTHA NH-32743	Romooc TÂN THANH - 51R- 327.43	166.307.273	38.149.335	128.157.938		27.717.876			166.307.273	65.867.211	100.440.062	1,00	Ch i	72	15/08/ 2019

Trường Đại học Quản Lý và Công Nghệ Hải Phòng

ROMOOC TANTHA NH-32765	Romooc TÂN THANH - 51R- 327.65	166.307.273	38.149.335	128.157.938		27.717.876		166.307.273	65.867.211	100.440.062	1,00	Ch iếc	72	15/08/ 2019
ROMOOC TANTHA NH-32767	Romooc TÂN THANH - 51R- 327.67	166.307.273	38.149.335	128.157.938		27.717.876		166.307.273	65.867.211	100.440.062	1,00	Ch iếc	72	15/08/ 2019
ROMOOC TP51R- 21649	Romooc THIÊN PHONG - 51R- 216.49	157.945.455	61.423.236	96.522.219		26.324.244		157.945.455	87.747.480	70.197.975	1,00	Ch iếc	72	15/08/ 2018
ROMOOC TP51R- 21690	Romooc THIÊN PHONG - 51R- 216.90	157.945.455	61.423.236	96.522.219		26.324.244		157.945.455	87.747.480	70.197.975	1,00	Ch iếc	72	15/08/ 2018
	Tổng cộng	15.563.213.963	8.010.759.386	7.552.454.577		2.065.890.468		15.563.213.963	10.076.649.854	5.486.564.109				

2.2.2.4 Phân tích sơ bộ Báo cáo tài chính

Sau khi có được các giấy tờ cần thiết, KTV tiến hành phân tích sơ bộ đối với khoản mục TSCĐ nhằm xác định các thủ tục kiểm toán trọng tâm và khoanh vùng có nhiều khả năng xảy ra rủi ro.

Nhìn vào BCTC doanh nghiệp cung cấp, thấy TSCĐ năm trước và năm nay là 15.563.213.963 đồng, không xảy ra biến động tăng giảm. Chứng tỏ trong kì, doanh nghiệp không có hoạt động mua bán, thanh lý TSCĐ.

2.2.2.5 Đánh giá mức trọng yếu

Mức trọng yếu (kế hoạch – thực tế) được lập và phê duyệt theo chính sách của công ty để thông báo với thành viên nhóm kiểm toán về mức trọng yếu kế hoạch trước khi kiểm toán tại khách hàng và có trách nhiệm xác định lại mức trọng yếu thực tế trong giai đoạn kết thúc kiểm toán để xác định xem các công việc và thủ tục kiểm toán đã được thực hiện đầy đủ hay chưa. Việc xác định mức trọng yếu tại Công ty TNHH Nexia được xác định một các cụ thể trong mục A710: Xác định mức trọng yếu (Kế hoạch – Thực hiện). Chỉ tiêu được lựa chọn để ước lượng mức trọng yếu đối với Công ty là chỉ tiêu Doanh thu thuần. Dựa trên kết quả tìm hiểu về Công ty khách hàng và kinh nghiệm kiểm toán của mình mà trưởng nhóm kiểm toán đưa ra các tỷ lệ để ước tính mức trọng yếu và tính toán mức trọng yếu thể hiện trên bảng như sau:

CÔNG TY TNHH NEXIA STT - CHI NHÁNH AN PHÁT

A710

Tên khách hàng: CÔNG TY TNHH MACS LOGISTICS

Kỳ kế toán năm: Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Nội dung: XÁC ĐỊNH MỨC TRỌNG YẾU

(KẾ HOẠCH-THỰC HIỆN)

	Tên	Ngày
Người thực hiện	NTN	2/22/2021
Người soát xét 1	VTMT	2/22/2021
Người soát xét 2	TTMT	2/22/2021

MỤC TIÊU

Xác định mức trọng yếu (kế hoạch - thực tế) được lập và phê duyệt theo chính sách của Cty để thông báo với nhóm kiểm toán về mức trọng yếu kế hoạch trước khi kiểm toán tại KH và có trách nhiệm xác định lại mức trọng yếu thực tế trong giai đoạn kết thúc kiểm toán để xác định xem các công việc và thủ tục kiểm toán đã được thực hiện đầy đủ hay chưa.

XÁC ĐỊNH MỨC TRỌNG YẾU

Nội dung	Kế hoạch	Thực tế
Tiêu chí được sử dụng để tính mức trọng yếu	Lợi nhuận trước thuế	Lợi nhuận trước thuế
	V Doanh thu thuần	Doanh thu thuần
	Tổng chi phí	Tổng chi phí
	Vốn chủ sở hữu	Vốn chủ sở hữu
	Tổng tài sản	Tổng tài sản
	Khác	Khác
Nguồn số liệu để xác định mức trọng yếu	V BCTC trước kiểm toán	BCTC đã điều chỉnh sau kiểm toán
	BCTC năm trước	
	Kế hoạch SXKD	
	Ước tính	
Lý do lựa chọn tiêu chí này		
Giá trị tiêu chí được lựa chọn	(a)	13,806,982,713
Điều chỉnh ảnh hưởng của các biến động bất thường	(b)	
Giá trị tiêu chí được lựa chọn sau điều chỉnh	(c)=(a)-(b)	13,806,982,713
Tỷ lệ sử dụng để ước tính mức trọng yếu	(d)	3.0%
	[5%-10%] LNNT	[5%-10%] LNNT
	V [0,5%-3%] DT thuần	V [0,5%-3%] DT thuần
	[0,5%-3%] Tổng CP	[0,5%-3%] Tổng CP
	[1%-5%] Vốn chủ SH	[1%-5%] Vốn chủ SH
	[1%-2%] Tổng tài sản	[1%-2%] Tổng tài sản
	[] Khác	[] Khác
Lý do lựa chọn tỷ lệ này		
	Rủi ro của đơn vị được đánh giá ở mức độ thấp	
Mức trọng yếu tổng thể	(e)=(c)*(d)	414,000,000
Tỷ lệ sử dụng để ước tính mức trọng yếu thực hiện [50%-70%]	(f)	70.0%
Mức trọng yếu thực hiện	(g)=(e)*(f)	289,800,000
Tỷ lệ sử dụng để ước tính ngưỡng sai sót không đáng kể [0%-4%]	h	2.0%
	Rủi ro của đơn vị được đánh giá ở mức độ thấp	
Ngưỡng sai sót không đáng kể/ sai sót có thể bỏ qua	(i)=(g)*(h)	5,796,000
		11,592,000

Áp dụng mức trọng yếu thấp hơn cho các khoản mục

Có áp dụng mức trọng yếu thấp hơn cho các nhóm giao dịch, số dư TK hay thông tin thuyết minh trọng yếu không? Y/N

Có Không

Ghi chú: Theo quy định của CMKiT số 320, nếu có các nhóm giao dịch, số dư TK hoặc thông tin thuyết minh (sau đây gọi là “khoản mục”) có sai sót với mức thấp hơn mức trọng yếu đối với tổng thể BCTC nhưng có thể ảnh hưởng đến quyết định kinh tế của người sử dụng BCTC thì KTV phải xác định mức trọng yếu/các mức trọng yếu áp dụng cho từng khoản mục này (áp dụng mẫu A720).

Ghi chú về lý do thay đổi mức trọng yếu trong quá trình kiểm toán NA

Theo quy định của CMKiT số 320, KTV phải sửa đổi mức trọng yếu trong trường hợp có thêm thông tin trong quá trình kiểm toán mà có thể dẫn đến việc thay đổi mức trọng yếu so với mức đã xác định trước đó. KTV cần ghi lại rõ lý do của việc thay đổi mức trọng yếu. Việc này phải được thành viên BGD phụ trách tổng thể cuộc kiểm toán phê duyệt.

Nếu mức trọng yếu tổng thể được áp dụng thấp hơn mức trọng yếu đã xác định trước đó: KTV phải xác định xem có cần phải sửa đổi lại mức trọng yếu thực hiện, và xem nội dung, lịch trình và phạm vi của các thủ tục kiểm toán tiếp theo có còn phù hợp hay không.

Căn cứ vào bảng trên, KTV chọn ra mức trọng yếu để áp dụng khi thực hiện kiểm toán.

Nội dung	Năm nay
Mức trọng yếu tổng thể	414,000,000
Mức trọng yếu thực hiện	289,800,000
Ngưỡng sai sót không đáng kể/sai sót có thể bỏ qua	5,796,000

Giải thích nguyên nhân chênh lệch lớn về mức trọng yếu của năm nay so với năm trước (nếu có)

(2) Nếu mức trọng yếu tổng thể và mức trọng yếu thực hiện năm nay thấp hơn so với năm trước, KTV phải xem xét liệu có sai sót trọng yếu trong số dư đầu năm hay không.

2.2.2.6 Đánh giá hệ thống kiểm soát nội bộ ở mức độ doanh nghiệp

Để đánh giá rủi ro kiểm soát, kiểm toán viên tiến hành đánh giá hệ thống kiểm soát nội bộ đối với khoản mục tài sản cố định. Kiểm toán viên đánh giá rủi ro kiểm soát đối với khoản mục TSCĐ bằng các kỹ thuật: phỏng vấn ban giám đốc về chính sách quản lý, sử dụng tài sản cố định; phỏng vấn nhân viên quản lý TSCĐ, kiểm tra chứng từ, sổ sách các nghiệp vụ liên quan đến tài sản cố định. Sau khi tìm hiểu hệ thống KSNB, KTV mô tả hệ thống KSNB qua Bảng câu hỏi tìm hiểu về hệ thống KSNB sau:

STT	Thử nghiệm kiểm soát	Có/ Không	N/A	Ghi chú	Ký tên
6	Tài sản cố định và khấu hao				
6.1	Công ty có lập sổ đăng ký tài sản cố định theo nguyên giá và hao mòn lũy kế? Sổ đăng ký này có được kiểm tra và phê duyệt bởi người có thẩm quyền?	C			
6.2	Số dư TSCĐ trên sổ đăng ký có khớp với Bảng cân đối số phát sinh/Báo cáo tài chính?	C			
6.3	Tài sản cố định có được đánh số thứ tự và dán nhãn thứ tự để tiện cho việc theo dõi, quản lý ?	C			
6.5	Việc luân chuyển TSCĐ có được cấp có thẩm quyền phê duyệt và được lập thành biên bản có chữ ký của bên giao, bên nhận?	C			
6.6	Các nghiệp vụ mua và thanh lý, nhượng bán TSCĐ có được phê duyệt bởi người có thẩm quyền ? Công ty có hạch toán hợp lý các khoản lãi, lỗ khi thanh lý, nhượng bán TSCĐ?	C			
6.7	Phương pháp và tỉ lệ khấu hao TSCĐ có theo đúng quy định của pháp luật hiện hành và được công ty áp dụng nhất quán với năm trước?	C			

6.8	Chi phí khấu hao có được hạch toán vào các loại chi phí (cho phí sản xuất, quản lý doanh nghiệp) theo đúng chức năng của từng TSCĐ?	C			
6.9	Công ty có thực hiện mua bảo hiểm đầy đủ cho các TSCĐ có giá trị lớn và /hoặc rủi ro cao?	C			
6.10	Các TSCĐ đi thuê (hoạt động/tài chính) có được hạch toán đúng trong báo cáo tài chính và phù hợp với chuẩn mực kế toán và các quy định hiện hành?		x		
6.11	Tất cả các TSCĐ đều thuộc sở hữu của công ty?	C			
6.12	Công ty có thực hiện việc kiểm kê định kỳ TSCĐ? Số liệu trên biên bản kiểm kê có khớp với báo cáo tài chính? Các khoản chênh lệch (lớn) có được giải thích cụ thể và xử lý kịp thời?	C			
6.13	Các tài sản cố định hỏng, không còn sử dụng được, đang sửa chữa lớn có được lưu ý trong biên bản kiểm kê TSCĐ và xử lý kịp thời?		x		
6.14	Tài sản cố định hết khấu hao, đang thế chấp cầm cố cho các khoản vay có được thể hiện cụ thể trong sổ đăng ký TSCĐ		x		
	Kết luận: Công ty thực hiện khá đầy đủ chính sách quản lý và sử dụng tài sản cố định				

2.2.2.7 Lập kế hoạch và thiết kế chương trình kiểm toán

* Lập kế hoạch kiểm toán

Sau khi thực hiện các bước trên, cuối cùng trưởng nhóm kiểm toán sẽ đưa ra tổng hợp kế hoạch kiểm toán nhằm mục đích đưa ra thủ tục kiểm toán của các phần hành và đưa ra kết luận rằng hợp đồng kiểm toán của Công ty TNHH MACS LOGISTICS đã được lập kế hoạch một cách thích hợp, sau đó sẽ lập ra từng chương trình kiểm toán cụ thể cho từng khoản mục. Tổng hợp kế hoạch đối với khoản mục TSCĐ được đưa ra như sau:

• **Phân tích sơ bộ và khoanh vùng rủi ro cao:**

TSCĐ được đánh giá lại theo biên bản xác định giá trị doanh nghiệp được trích khấu hao chưa đúng theo quy định.

• **Mức trọng yếu tổng thể và kế hoạch:**

Chỉ tiêu	Số liệu	Cơ sở	Số tiền
Mức trọng yếu kế hoạch	Doanh thu thuần : 13.806.982.713	3% Doanh thu	414.000.000
Mức trọng yếu thực hiện	Mức trọng yếu kế hoạch: 414.000.000	70% mức trọng yếu kế hoạch	289.800.000
Ngưỡng sai sót có thể bỏ qua	Mức trọng yếu thực hiện: 289.800.000	2% mức trọng yếu kế hoạch	5.796.000

• **Tổng hợp các rủi ro sai sót xác định trong giai đoạn lập kế hoạch:**

Vấn đề	Khoản mục liên quan	Thủ tục kiểm toán cần thực hiện
TSCĐ được đánh giá lại theo biên bản xác nhận giá trị doanh nghiệp được trích khấu hao chưa đúng theo quy định	Khấu hao TSCĐ(TK 214) , các TK chi phí liên quan	Ước tính lại chi phí khấu hao TSCĐ theo thời gian sử dụng còn lại dựa trên biên bản xác định lại giá trị doanh nghiệp
TSCĐ khấu hao chưa đúng theo quy định thông	Nguyên giá TSCĐ(TK 211, TK 213), Chi phí	Kiểm tra hồ sơ tăng TSCĐ, kết hợp đọc lướt

tư 45/2013-TT/BTC ngày 25/04/2013 của BTC	hao mòn TSCĐ(TK 214), các chi phí liên quan	danh mục TSCĐ để xác định các tài sản có đủ tiêu chuẩn được coi là TSCĐ theo thông tư 45/2013-TT/BTC ban hành ngày 25/04/2013 của BTC
---	--	---

* Thiết kế chương trình kiểm toán Chương trình kiểm toán đối với khoản mục TSCĐ được đưa ra nhằm mục tiêu sau đây: TSCĐ hữu hình là có thực; thuộc quyền sở hữu của đơn vị; nguyên giá và khấu hao được ghi nhận đầy đủ, chính xác, đúng kỳ; phù hợp và trình bày trên BCTC phù hợp với khuôn khổ về lập và trình bày BCTC được áp dụng.

Chương trình kiểm toán đối với khoản mục TSCĐ bao gồm các thủ tục kiểm toán như sau:

Trường Đại học Quản Lý và Công Nghệ Hải Phòng

CÔNG TY TNHH NEXIA STT - CHI NHÁNH AN PHÁT			D730	
Tên khách hàng: CÔNG TY TNHH MACS LOGISTICS		Tên	Ngày	
Kỳ kế toán: năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021		Người lập CT	VCQ	29/1/2022
Nội dung: CHƯƠNG TRÌNH KIỂM TOÁN		Người soát xét 1	TTMT	31/1/2022
TÀI SẢN CỐ ĐỊNH		Người soát xét 2		
A. MỤC TIÊU				
TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình, XDCB dở dang, BĐS đầu tư là hiện hữu; thuộc quyền sở hữu của DN; nguyên giá và khấu hao được ghi nhận đầy đủ, chính xác, đúng niên độ, phù hợp; và trình bày trên BCTC phù hợp với khuôn khổ về lập và trình bày BCTC được áp dụng.				
B. RỦI RO CÓ SAI SÓT TRỌNG YẾU CỦA KHOẢN MỤC				
Các rủi ro có sai sót trọng yếu	Thủ tục kiểm toán	Người thực hiện	Tham chiếu	
C. THỦ TỤC KIỂM TOÁN				
STT	Thủ tục	Người thực hiện	Tham chiếu	
I. Thủ tục chung				
1	Kiểm tra chính sách kế toán áp dụng nhất quán với năm trước và phù hợp với khuôn khổ về lập và trình bày BCTC được áp dụng	LVH	D741	
2	Lập Bảng số liệu tổng hợp có so sánh với số dư cuối năm trước. Đối chiếu các số dư trên Bảng số liệu tổng hợp với BCĐPS, Sổ Cái, sổ chi tiết,... và giấy tờ làm việc của kiểm toán năm trước (nếu có).	LVH	D710	
II. Thủ tục phân tích				
1	So sánh, phân tích tình hình tăng, giảm của số dư TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình, XDCB dở dang, Bất động sản đầu tư năm nay so với năm trước, đánh giá tính hợp lý của các biến động lớn.	LVH	D742	
2	Kiểm tra tính hợp lý của việc xác định thời gian sử dụng hữu ích của tài sản, so sánh với các quy định và hướng dẫn về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ hiện hành và CMKT liên quan.	LVH	D754	
III. Kiểm tra chi tiết				
1.1	Thu thập bảng tổng hợp tình hình biến động từng loại TSCĐ (nguyên giá, hao mòn lũy kế, số đầu kỳ, tăng/giảm trong kỳ, số cuối kỳ...). Kiểm tra tính chính xác số học và đối chiếu số liệu với các tài liệu liên quan (sổ cái, sổ chi tiết, BCĐSPS, BCTC).	LVH	D754	
1.2	Đọc lướt Sổ Cái để xác định các nghiệp vụ bất thường (về nội dung, giá trị, tài khoản đối ứng...). Tìm hiểu nguyên nhân và thực hiện thủ tục kiểm tra tương ứng (nếu cần).	LVH	D751	
2.1	Trường hợp KTV không tham gia kiểm kê cuối kỳ (1): Thực hiện quan sát TSCĐ tại ngày kiểm toán, lập bản kiểm tra và đối chiếu ngược để xác định TSCĐ thực tế của DN tại ngày kết thúc kỳ kế toán.	LVH	D758	
3	Kiểm tra khấu hao TSCĐ/BĐS đầu tư			

2.2.3 Thực hiện chu kì kiểm toán TSCĐ tại Công ty TNHH MACS LOGISTIC

Kiểm toán viên dựa vào chương trình kiểm toán mẫu để thực hiện công việc kiểm toán chi tiết khoản mục TSCĐ. Các công việc kiểm toán viên thực hiện trong thủ tục kiểm toán TSCĐ bao gồm:

2.2.3.1 Thực hiện thủ tục chung

KTV tiến hành xem xét kiểm tra chính sách áp dụng tại công ty TNHH MACS LOGISTIC xem có nhất quán với năm trước và phù hợp với quy định hay không trên giấy tờ làm việc D741:

CÔNG TY TNHH NEXIA STT - CHI NHÁNH AN PHÁT			
Tên khách hàng: CÔNG TY TNHH MACS LOGISTICS		Tên	Ngày
Kỳ kế toán: năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021		Người thực hiện	LVH 22/2/2022
Nội dung: TSCĐ và hao mòn TSCĐ		Người soát xét 1	TTQ 27/2/2022
Bước công việc: Đặc điểm tài khoản - CS kế toán		Người soát xét 2	VCQ 1/3/2022
Mục tiêu: Tìm hiểu đặc điểm tài khoản và chính sách kế toán.			
Công việc thực hiện:			
Kiểm tra việc trình bày khoản mục trên Bảng Cân Đối kế toán có đúng với quy định hay không.			
Kiểm tra các chính sách kế toán áp dụng có nhất quán với năm trước và có phù hợp với quy định hay không?			
Nội Dung			Ref
1. Hạch toán kế toán			
Tài khoản 211 - Tài sản cố định hữu hình			
- Đơn vị sử dụng tài khoản này để theo dõi tình hình hiện có, biến động tăng giảm của toàn bộ tài sản cố định hữu hình của doanh nghiệp.			
- Tài khoản hạch toán của doanh nghiệp bao gồm:			
TK 2112	Máy móc, thiết bị		
TK 2113	Phương tiện vận tải, truyền dẫn		
Tài khoản 214 - Hao mòn Tài sản cố định			
- Đơn vị sử dụng tài khoản này để theo dõi tình hình tăng giảm, giá trị hao mòn và giá trị hao mòn lũy kế của các loại tài sản trong quá trình sử dụng do trích khấu hao, do thanh lý.			
- Hao mòn TSCĐ được chia thành các tài khoản cấp 2:			
TK 2141	Hao mòn TSCĐ hữu hình		
Phương pháp trích khấu hao:			
- Công ty trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng;			
- Thời điểm bắt đầu trích khấu hao: Đối với tài sản tăng trong kỳ, nếu phát sinh sau ngày mùng 15 hàng tháng thì sẽ tiến hành trích khấu hao từ tháng liền sau tháng đó.			
- Thời điểm dừng trích khấu hao: Đối với tài sản cố định giảm trong kỳ, thời gian thôi trích khấu hao tính từ thời điểm giảm tài sản đó.			
- Đối với máy móc thiết bị		Thời gian trích khấu hao là 7 năm	
- Đối với phương tiện vận tải		Thời gian trích khấu hao là 6-10 năm	
2. Trình bày trên Bảng cân đối kế toán			
TSCĐ được trình bày trên Bảng cân đối kế toán ở MS 220, trong đó:			
TSCĐ hữu hình được trình bày trên MS 221 theo nguyên giá (MS 222) và hao mòn lũy kế (MS 223)			
Kết luận:			
Chính sách kế toán áp dụng nhất quán với năm trước.			
Tài sản cố định được hạch toán phù hợp với chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán DN hiện hành.			
Chỉ tiêu TSCĐ được trình bày trên Bảng Cân đối kế toán đúng quy định.			

2.2.3.2 Thực hiện thủ tục phân tích

Dựa vào BCTC năm trước và năm nay trước kiểm toán, KTV so sánh số và phân tích được sự tăng giảm của số dư tại khoản mục TSCĐ năm trước và năm nay. Biến động được KTV trình bày qua phân làm việc D742

CÔNG TY TNHH NEXIA STT - CHI NHÁNH AN PHÁT							D742	
Tên khách hàng: CÔNG TY TNHH MACS LOGISTICS						Tên	Ngày	
Kỳ kế toán: năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021						Người thực hiện	LVH 22/2/2022	
Tài khoản: TSCĐ						Người soát xét 1	TTQ 27/2/2022	
Nội dung: Phân tích biến động TSCĐ						Người soát xét 2	VCQ 1/3/2022	
Mục đích: Tổng hợp, đối chiếu số liệu, giải thích biến động bất thường								
Nguồn gốc số liệu: Bảng cân đối số phát sinh năm nay								
Công việc thực hiện:								
- Tiến hành so sánh số liệu năm nay trước kiểm toán với số liệu năm trước.								
- Đối chiếu số liệu trên Biểu tổng hợp với số cái, số chi tiết								
TK	Diễn giải	31/12/2021	Ref	01/01/2021	Ref	Chênh lệch	%	Ghi chú
MS 221	Tài sản cố định hữu hình	5,486,564,109	BS	7,552,454,577	PY	(2,065,890,468)	(27.35%)	
MS 222	Nguyên giá TSCĐ hữu hình	15,563,213,963	BS	15,563,213,963	PY			
MS 223	Hao mòn TSCĐ hữu hình	(10,076,649,854)	BS	(8,010,759,386)	PY	(2,065,890,468)	25.79%	
	Tài sản dài hạn	5,546,476,052	BS	7,612,366,520	PY	(2,065,890,468)	(27.14%)	
	Tỷ trọng TSCĐ hữu hình/TSDH	98.92%		99.21%		(0.29%)		
	Tổng tài sản	10,163,579,653	BS	13,357,881,375	PY	(3,194,301,722)	(23.91%)	
	Tỷ trọng TSCĐ hữu hình/Tổng tài sản	53.98%		56.54%		(2.56%)		
Nhận xét:								
Phân tích biến động								
- TSCĐ hữu hình năm nay giảm 27,35% so với năm ngoài tương ứng tăng hơn 2 tỷ đồng.								
- Nguyên giá TSCĐ năm nay không có biến động so với năm ngoài.								
- Hao mòn TSCĐ hữu hình năm nay tăng 25,79% so với năm ngoài tương ứng tăng hơn 2 tỷ								
Phân tích cơ cấu								
Tỷ trọng TSCĐ hữu hình năm nay chiếm tỷ lệ 98,92% trong TSDH, giảm 0,3% so với năm ngoài.								
Tỷ trọng TSCĐ hữu hình năm nay chiếm 53,98% trong tổng tài sản, giảm 2,56% so với năm trước.								
Ghi chú:								
GL	Đã đối chiếu khớp số liệu số cái tài khoản							
PY	BCTC đã kiểm toán năm trước.							
BS	Đã đối chiếu khớp số liệu trình bày trên BCĐKT trước kiểm toán năm nay							

Nhận xét:

Qua kiểm tra ta thấy, tài sản cố định trong năm không tăng hay giảm về nguyên giá.

Kiểm tra tính hợp lý của việc xác định thời gian sử dụng hữu ích của tài sản ở đơn vị ta thấy thời gian sử dụng hữu ích máy móc thiết bị là 7 năm; phương tiện vận tải là 6-10 năm. Đối chiếu theo khung thời gian trích khấu hao các loại tài sản cố định Ban hành kèm theo thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 của Bộ Tài Chính là phù hợp.

2.2.3.3 Thực hiện thủ tục kiểm tra chi tiết

• Kiểm tra nguyên giá TSCĐ:

Thu thập Bảng tổng hợp tình hình biến động từng loại TSCĐ (nguyên giá, HMLK, số đầu kỳ, số cuối kỳ...). Kiểm tra tính chính xác số học và đối chiếu số liệu với các tài liệu liên quan (Sổ Cái, bảng cân đối SPS, BCTC). Phần làm việc D710 của KTV:

CÔNG TY TNHH NEXIA STT - CHI NHÁNH AN PHÁT										
Tên khách hàng: CÔNG TY TNHH MACS LOGISTICS										
Kỳ kế toán: năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021										
Nội dung: BẢNG TỔNG HỢP TSCĐ HỮU HÌNH, TSCĐ VÔ HÌNH										
CHI PHÍ XDCB DỜ DANG										
							Tên	Ngày		
							Người thực hiện	LVH	22/2/2022	
							Người soát xét 1	TTQ	27/2/2022	
							Người soát xét 2	VCQ	1/3/2022	
TK	Diễn giải	Giấy tờ chi tiết	31/12/2021 Trước KT	Điều chỉnh	Điều chỉnh	31/12/2021 Sau KT	01/01/2021 Trước KT	Biến động (+/-) (%)		Ghi chú
	TSCĐ hữu hình		5,486,564,109			5,486,564,109	7,552,454,577	(2,065,890,468) (27.35%)		
211	Nguyên giá		15,563,213,963			15,563,213,963	15,563,213,963			
211	Tài sản cố định hữu hình		15,563,213,963			15,563,213,963	15,563,213,963			
214	Hao mòn TSCĐ hữu hình		(10,076,649,854)			(10,076,649,854)	(8,010,759,386)	(2,065,890,468) 25.79%		
2141	Hao mòn tài sản cố định hữu hình		(10,076,649,854)			(10,076,649,854)	(8,010,759,386)	(2,065,890,468) 25.79%		
	Tổng cộng		5,486,564,109			5,486,564,109	7,552,454,577	(2,065,890,468) (27.35%)		
		c/c	TB, GL	B341	B341	B310	PY	c/c		
TB, GL	Khớp với số liệu trên Bảng CDPS và Sổ Cái									
PY	Khớp với BCKT năm trước									
c/c	Kiểm tra việc cộng tổng và đồng ý									
B341	Tham chiếu đến Bảng CĐKT trước và sau ĐC									
B310	Tham chiếu đến số liệu trên BCTC đã được kiểm toán									

Trường Đại học Quản Lý và Công Nghệ Hải Phòng

Đọc lướt Sổ Cái, bảng cân đối số phát sinh năm nay để xác định các nghiệp vụ bất thường (về nội dung, giá trị, tài khoản đối ứng...). Tìm hiểu nguyên nhân và thực hiện thủ tục kiểm tra tương ứng (nếu có bất thường). KTV trình bày qua PLV D751:

CÔNG TY TNHH NEXIA STT - CHI NHÁNH AN PHÁT				Tên	Ngày
Tên khách hàng: CÔNG TY TNHH MACS LOGISTICS		Người thực hiện	LVH	22/2/2022	
Kỳ kế toán: năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021		Người soát xét 1	TTQ	27/2/2022	
Khoản mục: Tài sản cố định		Người soát xét 2	VCQ	1/3/2022	
<hr/>					
Mục tiêu: Kiểm tra, đối chiếu số liệu với báo cáo tài chính. Tìm hiểu các đối ứng bất thường					
Nguồn gốc số liệu: Sổ cái, Sổ chi tiết, Bảng CĐ SPS năm nay					
Các bước công việc: Tổng hợp tài khoản đối ứng, giải thích đối ứng bất thường (nếu có)					
Đối chiếu số dư, số phát sinh trên sổ cái, sổ chi tiết với CĐ SPS năm trước					
TK2141	Hao mòn TSCĐHH				
TKĐƯ	PS Nợ	PS Có	Giải thích các đối ứng bất thường		
15477		2,065,890,468	N2		
Cộng		2,065,890,468			
	TB, GS	TB, GS			
Dư đầu kỳ		8,010,759,386	PY		
Dư cuối kỳ		10,076,649,854	BS, TB		
N2	Khấu hao TSCĐ hữu hình		2,065,890,468	D754	
Kết luận:	Đối chiếu số dư, số phát sinh trên sổ cái, sổ chi tiết với CĐ SPS năm trước				
	Không có đối ứng bất thường cần giải thích;				

• **Quan sát thực tế TSCĐ:**

Tham gia chứng kiến thực tế kiểm kê TSCĐ cuối kỳ, đảm bảo các thủ tục kiểm kê được thực hiện phù hợp. Xem xét có chênh lệch giữa kiểm kê thực tế và số liệu trên sổ sách. Kiểm tra đối chiếu biên bản kiểm kê TSCĐ của doanh nghiệp, số chi tiết TSCĐ, PLV D758:

CÔNG TY TNHH NEXIA STT - CHI NHÁNH AN PHÁT								
Tên khách hàng: CÔNG TY TNHH MACS LOGISTICS						Tên	Ngày	
Kỳ kế toán: năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021						NTH	LVH	22/2/2022
Nội dung: TK 211						NSX1	TTQ	27/2/2022
Bước công việc: Kiểm tra tính có thật của TSCĐ hữu hình cuối kỳ						NSX2	VCQ	1/3/2022
Mục tiêu: Tính hiện hữu								
Nguồn số liệu: Sổ chi tiết TSCĐ, Biên bản kiểm kê TSCĐ, Phiếu kiểm đếm.								
Bước công việc:								
Thu thập biên bản kiểm kê của đơn vị;								
Đối chiếu số lượng TSCĐ theo sổ sách kế toán với Biên bản kiểm kê và phiếu kiểm đếm.								
STT	Mã tài sản	Tên TSCĐ	SL	Nguyên giá	Giá trị còn lại	BBKK/Phiếu kiểm đếm	Chênh lệch	Ref
1	DAUKEO 51C-930.11	Xe đầu kéo INTERNATIONAL 51C- 930.11	1	618,132,545	225,360,804	1		D758.1
2	DAUKEO 51C-931.66	Xe đầu kéo INTERNATIONAL 51C- 931.66	1	618,132,545	225,360,804	1		D758.1
3	DAUKEO 51D-31292	Xe đầu kéo INTERNATIONAL 51D-312.92	1	555,596,364	295,160,574	1		D758.1
4	DAUKEO 51D-313.05	Xe đầu kéo INTERNATIONAL 51D-313.05	1	555,596,364	295,160,574	1		D758.1
5	DAUKEOMY 51C48288	Xe đầu kéo FREIGHTLINER 51C- 48288	1	1,497,230,000	187,153,736	1		D758.1
6	DAUKEOMY 51C48723	Xe đầu kéo FREIGHTLINER 51C- 48723	1	1,497,230,000	187,153,736	1		D758.1
7	DAUKEOMY 51C54538	Xe đầu kéo INTERNATIONAL 51C- 54538	1	308,870,400	145,855,454	1		D758.1
8	DAUKEOMY 51C64701	Xe đầu kéo FREIGHTLINER 51C- 64701	1	836,181,818		1		D758.1
9	DAUKEOMY 51C65563	Xe đầu kéo FREIGHTLINER 51C- 65563	1	836,331,818		1		D758.1

Trường Đại học Quản Lý và Công Nghệ Hải Phòng

10	DAUKEOMY 51D05886	Xe đầu kéo INTERNATIONAL 51D- 058.86	1	305,961,600	144,481,854	1		D758.1
11	DAUKEOMY 51D05911	Xe đầu kéo INTERNATIONAL 51D- 059.11	1	305,961,600	148,731,321	1		D758.1
12	DAUKEOMY 51D35144	Xe đầu kéo INTERNATIONAL 51D-351.44	1	424,130,000	229,737,098	1		D758.1
13	DAUKEOMY 51D39445	Xe đầu kéo INTERNATIONAL 51D-39445	1	785,081,818	654,234,842	1		D758.1
14	DAUKEOMY 51D39680	Xe đầu kéo INTERNATIONAL 51D-39680	1	785,081,818	654,234,842	1		D758.1
15	ROMOOCCH 51R-10308	Romooc HÀNG HẢI - 51R-103.80	1	51,100,000	24,130,564	1		D758.1
16	ROMOOCCH 51R-10603	Romooc HÀNG HẢI - 51R-106.03	1	51,100,000	24,130,564	1		D758.1
17	ROMOOCCH 51R-10832	Romooc HÀNG HẢI - 51R-108.32	1	51,100,000	24,130,564	1		D758.1
18	ROMOOCKC T-06453	Romooc KCT- 06453	1	214,620,000	15,649,375	1		D758.1
19	ROMOOCNH 51R-21677	Romooc NAM HẢI - 51R-216.77	1	153,300,000	68,133,320	1		D758.1
20	ROMOOCNH 51R-21691	Romooc NAM HẢI - 51R-216.91	1	153,300,000	68,133,320	1		D758.1
21	ROMOOCPT5 1R-22270	Romooc PHƯỚC THIÊN - 51R- 222.70	1	199,754,545	113,749,106	1		D758.1
22	ROMOOCPT5 1R-22298	Romooc PHƯỚC THIÊN - 51R- 222.98	1	199,754,545	113,749,106	1		D758.1
23	ROMOOCPT5 1R-22405	Romooc PHƯỚC THIÊN - 51R- 224.05	1	199,754,545	113,749,106	1		D758.1
24	ROMOOCPT5 1R-22489	Romooc PHƯỚC THIÊN - 51R- 224.89	1	199,754,545	113,749,106	1		D758.1
25	ROMOOCPT5 1R-22516	Romooc PHƯỚC THIÊN - 51R- 225.16	1	199,754,545	113,749,106	1		D758.1
26	ROMOOCNTA NTHANH- 07331	Romooc TÂN THANH - 51R- 07331	1	215,480,000	22,445,862	1		D758.1

Trường Đại học Quản Lý và Công Nghệ Hải Phòng

27	ROMOOCTA NTHANH- 07381	Romooc TÂN THANH - 51R- 07381	1	215,480,000	22,445,862	1		D758.1
28	ROMOOCTA NTHANH- 08304	Romooc TÂN THANH - 51R- 08304	1	215,480,000	22,445,862	1		D758.1
29	ROMOOCTA NTHANH- 08343	Romooc TÂN THANH - 51R- 08343	1	215,480,000	26,935,028	1		D758.1
30	ROMOOCTA NTHANH- 08717	Romooc TÂN THANH - 51R- 08717	1	215,480,000	26,935,028	1		D758.1
31	ROMOOCTA NTHANH- 10956	Romooc TÂN THANH - 51R- 10956	1	214,470,909	40,213,293	1		D758.1
32	ROMOOCTA NTHANH- 11139	Romooc TÂN THANH - 51R- 11139	1	171,023,636	32,469,221	1		D758.1
33	ROMOOCTA NTHANH- 11175	Romooc TÂN THANH - 51R- 11175	1	171,023,636	33,848,444	1		D758.1
34	ROMOOCTA NTHANH- 11528	Romooc TÂN THANH - 51R- 11528	1	171,023,636	32,871,495	1		D758.1
35	ROMOOCTA NTHANH- 30092	Romooc TÂN THANH - 51R- 300.92	1	262,339,455	84,713,760	1		D758.1
36	ROMOOCTA NTHANH- 30100	Romooc TÂN THANH - 51R- 301.00	1	262,339,455	84,713,760	1		D758.1
37	ROMOOCTA NTHANH- 30308	Romooc TÂN THANH - 51R- 30308	1	176,677,273	60,732,829	1		D758.1
38	ROMOOCTA NTHANH- 30348	Romooc TÂN THANH - 51R- 30348	1	176,677,273	60,732,829	1		D758.1
39	ROMOOCTA NTHANH- 32707	Romooc TÂN THANH - 51R- 327.07	1	166,307,273	100,440,062	1		D758.1
40	ROMOOCTA NTHANH- 32713	Romooc TÂN THANH - 51R- 327.13	1	166,307,273	100,440,062	1		D758.1
41	ROMOOCTA NTHANH- 32743	Romooc TÂN THANH - 51R- 327.43	1	166,307,273	100,440,062	1		D758.1

Trường Đại học Quản Lý và Công Nghệ Hải Phòng

42	ROMOCTA NTHANH- 32765	Romooc TÂN THANH - 51R- 327.65	1	166,307,273	100,440,062	1		D758.1
43	ROMOCTA NTHANH- 32767	Romooc TÂN THANH - 51R- 327.67	1	166,307,273	100,440,062	1		D758.1
44	ROMOCTP5 1R-21649	Romooc THIÊN PHONG - 51R- 216.49	1	157,945,455	70,197,975	1		D758.1
45	ROMOCTP5 1R-21690	Romooc THIÊN PHONG - 51R- 216.90	1	157,945,455	70,197,975	1		D758.1
46	YANMAR- 101508	Máy phát điện YANMAR -1058	1	65,000,000	53,392,850	1		D758.1
47	YANMAR- 300698	Máy phát điện YANMAR -1058	1	65,000,000	53,392,850	1		D758.1
		Tổng		15,563,213,963	5,486,564,109			
				TRUE	TRUE			
	Kết luận	Đạt mục tiêu kiểm toán						

• **Kiểm tra khấu hao TSCĐ:**

Kiểm tra tính hợp lý của Bảng tính khấu hao về: Phân loại nhóm tài sản; Khoản mục chi phí phân bổ căn cứ bộ phận và mục đích sử dụng; Tính phù hợp về thời gian khấu hao so với quy định hiện hành, so với đặc điểm sử dụng của đơn vị; Tính nhất quán trong phân bổ giữa năm nay với năm trước, giữa các kỳ trong năm, giữa các tài sản cùng loại;...

Ước tính độc lập chi phí khấu hao trong kỳ và so sánh với số liệu của DN. Được thể hiện qua giấy tờ làm việc D754 của KTV:

Trường Đại học Quản Lý và Công Nghệ Hải Phòng

CÔNG TY TNHH NEXIA STT - CHI NHÁNH AN PHÁT																																					
Tên khách hàng: CÔNG TY TNHH MACS LOGISTICS																																					
Kỳ kế toán: năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021																																					
Nội dung: Tài sản cố định																																					
<table border="1" style="float: right; border-collapse: collapse;"> <tr> <td></td> <td style="text-align: center;">Tên</td> <td style="text-align: center;">Ngày</td> </tr> <tr> <td>NTH</td> <td style="text-align: center;">LVH</td> <td style="text-align: center;">22/2/2022</td> </tr> <tr> <td>NSX1</td> <td style="text-align: center;">TTQ</td> <td style="text-align: center;">27/2/2022</td> </tr> <tr> <td>NSX2</td> <td style="text-align: center;">VCC</td> <td style="text-align: center;">13/2/2022</td> </tr> </table>																											Tên	Ngày	NTH	LVH	22/2/2022	NSX1	TTQ	27/2/2022	NSX2	VCC	13/2/2022
	Tên	Ngày																																			
NTH	LVH	22/2/2022																																			
NSX1	TTQ	27/2/2022																																			
NSX2	VCC	13/2/2022																																			
Mục đích: Tính đầy đủ, chính xác của chi phí khấu hao TSCĐ																																					
Nguồn số liệu: Số chi tiết TK 214, bảng khấu hao TSCĐ của đơn vị																																					
Công việc thực hiện: Thu thập Bảng tính khấu hao TSCĐ/Bổ S đầu tư trong kỳ (chi tiết đến từng TSCĐ). Kiểm tra tính chính xác số học và đối chiếu số liệu với cáo tài liệu liên quan (Số Cái, số chi tiết, BCPS, BCTC).																																					
TK nguyên giá	Mã TSCĐ	Tên TSCĐ	Ngày bắt đầu tính phân bổ	Thời gian SD (năm)	Thời gian hữu ích KIT	Nguyên giá đầu kỳ sau điều chỉnh	Tăng/gi ảm trong kỳ theo GL	Tăng/gi ảm trong kỳ theo KIT	Tăng/giảm trong kỳ sau điều chỉnh	Giá trị tính KH 1 ngày	Hao mòn trong kỳ theo bảng khấu hao	1/1/2021		12/31/2021		Chênh lệch	điều chỉnh	Khấu hao sau điều chỉnh	Note	Hao mòn lũy kế đầu kỳ theo GL	HMLK đầu kỳ (KIT)	HMLK đầu kỳ sau điều chỉnh	Nguyên giá cuối kỳ	HMLK cuối kỳ	TK trích khấu hao	TK trích khấu hao	TK khấu hao	Ng giá tài sản cố định hết khấu hao									
												29	30	31	32																						
*	1	2	6	10	1*	20	22	23	26	27	28	29	30	31	32	33	3*	35	36	39	41	42	43	44	45	46											
2112	YANMAR-101508	Máy phát điện YANMAR -1058	25/03/2020	7	7	65,000,000				25,440	9,285,720	9,285,720	9,285,714	(6)		9,285,720				2,321,430	2,321,430	2,321,430	65,000,000	11,607,150	15477	15477	2141										
2112	YANMAR-300638	Máy phát điện YANMAR -1058	25/03/2020	7	7	65,000,000				25,440	9,285,720	9,285,720	9,285,714	(6)		9,285,720				2,321,430	2,321,430	2,321,430	65,000,000	11,607,150	15477	15477	2141										
2113	DAUKEO 51C-930.11	Xe đầu kéo INTERNATIONAL 51C-930.11	23/11/2016	8	8	618,132,545				211,689	77,266,572	77,266,572	77,266,568	(4)		77,266,572				315,505,169	315,505,169	315,505,169	618,132,545	392,771,741	15477	15477	2141										
2113	DAUKEO 51C-931.66	Xe đầu kéo INTERNATIONAL 51C-931.66	23/11/2016	8	8	618,132,545				211,689	77,266,572	77,266,572	77,266,568	(4)		77,266,572				315,505,169	315,505,169	315,505,169	618,132,545	392,771,741	15477	15477	2141										
2113	DAUKEO 51D-312.32	Xe đầu kéo INTERNATIONAL 51D-312.32	15/03/2018	8	8	555,536,364				190,273	69,449,544	69,449,544	69,449,546	2		69,449,544				190,986,246	190,986,246	190,986,246	555,536,364	260,435,790	15477	15477	2141										
2113	DAUKEO 51D-313.05	Xe đầu kéo INTERNATIONAL 51D-313.05	15/03/2018	8	8	555,536,364				190,273	69,449,544	69,449,544	69,449,546	2		69,449,544				190,986,246	190,986,246	190,986,246	555,536,364	260,435,790	15477	15477	2141										
2113	DAUKEOMY 51C-48288	Xe đầu kéo FREIGHTLINER 51C-48288	16/12/2014	8	8	1,497,230,000				512,750	187,153,752	187,153,752	187,153,750	(2)		187,153,752				1,122,922,512	1,122,922,512	1,122,922,512	1,497,230,000	1,310,076,264	15477	15477	2141										
2113	DAUKEOMY 51C-48723	Xe đầu kéo FREIGHTLINER 51C-48723	16/12/2014	8	8	1,497,230,000				512,750	187,153,752	187,153,752	187,153,750	(2)		187,153,752				1,122,922,512	1,122,922,512	1,122,922,512	1,497,230,000	1,310,076,264	15477	15477	2141										
2113	DAUKEOMY 51C54538	Xe đầu kéo INTERNATIONAL 51C-54538	01/10/2018	6	6	308,870,400				141,037	51,478,404	51,478,404	51,478,400	(4)		51,478,404				111,536,542	111,536,542	111,536,542	308,870,400	163,014,946	15477	15477	2141										
2113	DAUKEOMY 51C-64701	Xe đầu kéo FREIGHTLINER 51C-64701	31/07/2015	6	6	836,181,818				381,818	81,235,478	81,235,478	81,235,478			81,235,478				754,886,340	754,886,340	754,886,340	836,181,818	836,181,818	15477	15477	2141	836,181,818									

Trường Đại học Quản Lý và Công Nghệ Hải Phòng

2113	DAUKEOMY 51C65563	Xe đầu kéo FREIGHTLINER 51C-65563	30/07/2015	6	6	836,331,818								381,887	81,310,018	81,310,018	81,310,018							81,310,018	755,021,800	755,021,800	755,021,800	836,331,818	836,331,818	15477	15477	2141	836,331,818
2113	DAUKEOMY 51D05886	Xe đầu kéo INTERNATIONAL 51D-058.86	01/10/2018	6	6	305,961,600								133,708	50,993,604	50,993,604	50,993,600	(4)						50,993,604	110,486,142	110,486,142	110,486,142	305,961,600	161,473,746	15477	15477	2141	
2113	DAUKEOMY 51D05911	Xe đầu kéo INTERNATIONAL 51D-059.11	01/10/2018	6	6	305,961,600								133,708	50,993,604	50,993,604	50,993,600	(4)						50,993,604	106,236,675	106,236,675	106,236,675	305,961,600	157,230,279	15477	15477	2141	
2113	DAUKEOMY 51D35144	Xe đầu kéo INTERNATIONAL 51D-351.44	19/03/2019	6	6	424,130,000								193,667	70,688,328	70,688,328	70,688,333	5						70,688,328	123,704,574	123,704,574	123,704,574	424,130,000	194,392,902	15477	15477	2141	
2113	DAUKEOMY 51D39445	Xe đầu kéo INTERNATIONAL 51D-39445	01/08/2020	8	8	785,081,818								268,864	98,135,232	98,135,232	98,135,227	(5)						98,135,232	32,711,744	32,711,744	32,711,744	785,081,818	130,846,976	15477	15477	2141	
2113	DAUKEOMY 51D39680	Xe đầu kéo INTERNATIONAL 51D-39680	01/08/2020	8	8	785,081,818								268,864	98,135,232	98,135,232	98,135,227	(5)						98,135,232	32,711,744	32,711,744	32,711,744	785,081,818	130,846,976	15477	15477	2141	
2113	ROMOOCCH 51R-10308	Romoo HANG HAI -51R-103.80	01/10/2018	6	6	51,100,000								23,333	8,516,664	8,516,664	8,516,667	3						8,516,664	18,452,772	18,452,772	18,452,772	51,100,000	26,969,436	15477	15477	2141	
2113	ROMOOCCH 51R-10603	Romoo HANG HAI -51R-106.03	01/10/2018	6	6	51,100,000								23,333	8,516,664	8,516,664	8,516,667	3						8,516,664	18,452,772	18,452,772	18,452,772	51,100,000	26,969,436	15477	15477	2141	
2113	ROMOOCCH 51R-10832	Romoo HANG HAI -51R-108.32	01/10/2018	6	6	51,100,000								23,333	8,516,664	8,516,664	8,516,667	3						8,516,664	18,452,772	18,452,772	18,452,772	51,100,000	26,969,436	15477	15477	2141	
2113	ROMOOCKC T-06453	Romoo KCT- 06453	01/08/2014	8	8	214,620,000								73,500	26,827,500	26,827,500	26,827,500							26,827,500	172,143,125	172,143,125	172,143,125	214,620,000	198,970,625	15477	15477	2141	
2113	ROMOOCNH 51R-21677	Romoo NAM HAN -51R-216.77	15/08/2018	6	6	153,300,000								70,000	25,550,004	25,550,004	25,550,000	(4)						25,550,004	59,616,676	59,616,676	59,616,676	153,300,000	85,166,680	15477	15477	2141	
2113	ROMOOCNH 51R-21691	Romoo NAM HAN -51R-216.91	15/08/2018	6	6	153,300,000								70,000	25,550,004	25,550,004	25,550,000	(4)						25,550,004	59,616,676	59,616,676	59,616,676	153,300,000	85,166,680	15477	15477	2141	
2113	ROMOOCPT 51R-22270	Romoo PHUOC THIEN - 51R- 222.70	15/05/2019	6	6	199,754,545								91,212	33,292,428	33,292,428	33,292,424	(4)						33,292,428	52,713,011	52,713,011	52,713,011	199,754,545	86,005,439	15477	15477	2141	
2113	ROMOOCPT 51R-22298	Romoo PHUOC THIEN - 51R- 222.98	15/05/2019	6	6	199,754,545								91,212	33,292,428	33,292,428	33,292,424	(4)						33,292,428	52,713,011	52,713,011	52,713,011	199,754,545	86,005,439	15477	15477	2141	
2113	ROMOOCPT 51R-22405	Romoo PHUOC THIEN - 51R- 224.05	15/05/2019	6	6	199,754,545								91,212	33,292,428	33,292,428	33,292,424	(4)						33,292,428	52,713,011	52,713,011	52,713,011	199,754,545	86,005,439	15477	15477	2141	

Trường Đại học Quản Lý và Công Nghệ Hải Phòng

2113	ROMOOCPT 51R-22489	Romoooc PHUOC THIEN - 51R- 224.89	15/05/2019	6	6	199,754,545			91,212	33,292,428	33,292,428	33,292,424	(4)		33,292,428	52,713,011	52,713,011	52,713,011	199,754,545	86,005,439	15477	15477	2141
2113	ROMOOCPT 51R-22516	Romoooc PHUOC THIEN - 51R-225.16	15/05/2019	6	6	199,754,545			91,212	33,292,428	33,292,428	33,292,424	(4)		33,292,428	52,713,011	52,713,011	52,713,011	199,754,545	86,005,439	15477	15477	2141
2113	ROMOOCPT NTHANH- 07331	Romoooc TÂN THANH - 51R- 07331	22/10/2014	8	8	215,480,000			73,795	26,934,996	26,934,996	26,935,000	4		26,934,996	166,099,142	166,099,142	166,099,142	215,480,000	193,034,138	15477	15477	2141
2113	ROMOOCPT NTHANH- 07381	Romoooc TÂN THANH - 51R- 07381	31/10/2014	8	8	215,480,000			73,795	26,934,996	26,934,996	26,935,000	4		26,934,996	166,099,142	166,099,142	166,099,142	215,480,000	193,034,138	15477	15477	2141
2113	ROMOOCPT NTHANH- 08304	Romoooc TÂN THANH - 51R- 08304	13/11/2014	8	8	215,480,000			73,795	26,934,996	26,934,996	26,935,000	4		26,934,996	166,099,142	166,099,142	166,099,142	215,480,000	193,034,138	15477	15477	2141
2113	ROMOOCPT NTHANH- 08343	Romoooc TÂN THANH - 51R- 08343	17/12/2014	8	8	215,480,000			73,795	26,934,996	26,934,996	26,935,000	4		26,934,996	161,609,976	161,609,976	161,609,976	215,480,000	188,544,972	15477	15477	2141
2113	ROMOOCPT NTHANH- 08717	Romoooc TÂN THANH - 51R- 08717	17/12/2014	8	8	215,480,000			73,795	26,934,996	26,934,996	26,935,000	4		26,934,996	161,609,976	161,609,976	161,609,976	215,480,000	188,544,972	15477	15477	2141
2113	ROMOOCPT NTHANH- 10956	Romoooc TÂN THANH - 51R- 10956	27/06/2015	8	8	214,470,909			73,449	26,808,864	26,808,864	26,808,864			26,808,864	147,448,752	147,448,752	147,448,752	214,470,909	174,257,616	15477	15477	2141
2113	ROMOOCPT NTHANH- 11139	Romoooc TÂN THANH - 51R-11139	08/07/2015	8	8	171,023,636			58,570	21,377,952	21,377,952	21,377,955	3		21,377,952	117,176,463	117,176,463	117,176,463	171,023,636	138,554,415	15477	15477	2141
2113	ROMOOCPT NTHANH- 11175	Romoooc TÂN THANH - 51R-11175	16/07/2015	8	8	171,023,636			58,570	21,377,952	21,377,952	21,377,955	3		21,377,952	115,797,240	115,797,240	115,797,240	171,023,636	137,175,192	15477	15477	2141
2113	ROMOOCPT NTHANH- 11528	Romoooc TÂN THANH - 51R-11528	08/07/2015	8	8	171,023,636			58,570	21,377,952	21,377,952	21,377,955	3		21,377,952	116,774,189	116,774,189	116,774,189	171,023,636	138,152,141	15477	15477	2141
2113	ROMOOCPT NTHANH- 30092	Romoooc TÂN THANH - 51R- 300.92	13/07/2016	8	8	262,339,455			89,842	32,792,436	32,792,436	32,792,432	(4)		32,792,436	144,833,259	144,833,259	144,833,259	262,339,455	177,625,695	15477	15477	2141
2113	ROMOOCPT NTHANH- 30100	Romoooc TÂN THANH - 51R- 301.00	13/07/2016	8	8	262,339,455			89,842	32,792,436	32,792,436	32,792,432	(4)		32,792,436	144,833,259	144,833,259	144,833,259	262,339,455	177,625,695	15477	15477	2141
2113	ROMOOCPT NTHANH- 30308	Romoooc TÂN THANH - 51R- 30308	22/09/2016	8	8	176,677,273			60,506	22,084,656	22,084,656	22,084,659	3		22,084,656	93,859,788	93,859,788	93,859,788	176,677,273	115,944,444	15477	15477	2141
2113	ROMOOCPT NTHANH- 30348	Romoooc TÂN THANH - 51R- 30348	22/09/2016	8	8	176,677,273			60,506	22,084,656	22,084,656	22,084,659	3		22,084,656	93,859,788	93,859,788	93,859,788	176,677,273	115,944,444	15477	15477	2141

Trường Đại học Quản Lý và Công Nghệ Hải Phòng

2113	ROMDOCTA NTHANH- 32707	RomooC TÂN THANH-51R- 327.07	16/08/2019	6	6	166,307,273			75,939	27,717,876	27,717,876	27,717,879	3	27,717,876	38,149,335	38,149,335	38,149,335	166,307,273	65,867,211	15477	15477	2141	
2113	ROMDOCTA NTHANH- 32713	RomooC TÂN THANH-51R- 327.13	16/08/2019	6	6	166,307,273			75,939	27,717,876	27,717,876	27,717,879	3	27,717,876	38,149,335	38,149,335	38,149,335	166,307,273	65,867,211	15477	15477	2141	
2113	ROMDOCTA NTHANH- 32743	RomooC TÂN THANH-51R- 327.43	15/08/2019	6	6	166,307,273			75,939	27,717,876	27,717,876	27,717,879	3	27,717,876	38,149,335	38,149,335	38,149,335	166,307,273	65,867,211	15477	15477	2141	
2113	ROMDOCTA NTHANH- 32765	RomooC TÂN THANH-51R- 327.65	15/08/2019	6	6	166,307,273			75,939	27,717,876	27,717,876	27,717,879	3	27,717,876	38,149,335	38,149,335	38,149,335	166,307,273	65,867,211	15477	15477	2141	
2113	ROMDOCTA NTHANH- 32767	RomooC TÂN THANH-51R- 327.67	15/08/2019	6	6	166,307,273			75,939	27,717,876	27,717,876	27,717,879	3	27,717,876	38,149,335	38,149,335	38,149,335	166,307,273	65,867,211	15477	15477	2141	
2113	ROMDOCTP 51R-21649	RomooC THIÊN PHONG-51R- 216.49	15/08/2018	6	6	157,945,455			72,121	26,324,244	26,324,244	26,324,243	(1)	26,324,244	61,423,236	61,423,236	61,423,236	157,945,455	87,747,480	15477	15477	2141	
2113	ROMDOCTP 51R-21630	RomooC THIÊN PHONG-51R- 216.90	15/08/2018	6	6	157,945,455			72,121	26,324,244	26,324,244	26,324,243	(1)	26,324,244	61,423,236	61,423,236	61,423,236	157,945,455	87,747,480	15477	15477	2141	
x			x	x	x	15,563,213,963			5,978,184	2,065,890,468	2,065,890,468	2,065,890,452	(16)	2,065,890,468	8,010,759,386	8,010,759,386	8,010,759,386	15,563,213,963	10,076,649,854	x	x	x	1,672,513,636
	x						D754	2,065,890,468		2,065,890,468					8,010,759,386			15,563,213,963	10,076,649,854				
	x					D710	D751			D751		D754.1			D710			D710	D710				
							TRUE			TRUE					TRUE			TRUE	TRUE				

=> Chênh lệch trong bảng khấu hao là (16) đồng. Chênh lệch nhỏ có thể bỏ qua.

Giải thích cho chênh lệch trên KTV có PLV D754:

CÔNG TY TNHH NEXIA STT - CHI NHÁNH AN PHÁT						
Tên khách hàng: CÔNG TY TNHH MACS LOGISTICS					Tên	Ngày
Kỳ kế toán: năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021				Người thực hiện	LVH	22/2/2022
Khoản mục: TK 2141				Người soát xét 1	TTQ	27/2/2022
Bước công việc: Giải thích chênh lệch của bảng khấu hao				Người soát xét 2	VCQ	1/3/2022
I	Chênh lệch trên bảng khấu hao giữa KiT và số đơn vị				D754.1	(16)
	Nguyên nhân chênh lệch:					
	Chênh lệch còn lại chưa điều chỉnh					(16)
						Chênh lệch nhỏ, pass
II	Đối chiếu chi phí khấu trên bảng khấu hao và hạch toán					
TK	Tham chiếu	Hạch toán	Điều chỉnh	Hạch toán sau điều chỉnh	Bảng khấu hao	CL bảng khấu hao và hạch toán
15477	G220	2,065,890,468		2,065,890,468	2,065,890,468	
		2,065,890,468		2,065,890,468	2,065,890,468	
		2,065,890,468			2,065,890,468	
		TRUE			TRUE	
Kết luận	Chi phí khấu hao TSCĐ không còn sai sót trọng yếu.					

2.2.4 Kết thúc cuộc kiểm toán

Trong giai đoạn này, KTV thực hiện các công việc sau:

- Soát xét giấy tờ làm việc của nhóm kiểm toán
- Soát xét các sự kiện xảy ra sau ngày lập BCTC
- Tổng hợp kết quả báo cáo kiểm toán
- Hoàn chỉnh và phát hành chính thức Báo cáo kiểm toán, Thư quản lý
- Công bố báo cáo kiểm toán

* Soát xét giấy tờ làm việc của KTV:

Sau mỗi ngày, trưởng nhóm sẽ tổng hợp giấy tờ và phần làm việc của các thành viên trong nhóm. Sau đó, cả nhóm sẽ cùng thảo luận trước khi lập biên bản đề nêu lên những kiến nghị, các bút toán điều chỉnh từng khoản mục.

Đối với Khoản mục TSCĐ, các giấy tờ làm việc do chị Trần Thị Quý thực hiện, là một kiểm toán viên có nhiều kinh nghiệm, chị đã phản ánh được đầy đủ những thông tin cần thiết về đối tượng, mục tiêu kiểm toán khoản mục TSCĐ trên giấy tờ làm việc một cách chặt chẽ, dễ hiểu.

* Soát xét các sự kiện xảy ra sau khi lập BCTC:

Việc soát xét các sự kiện phát sinh sau ngày lập BCTC rất quan trọng, các sự kiện này có thể ảnh hưởng trọng yếu hoặc không trọng yếu đến BCTC. Tuy nhiên, trong quá trình soát xét các sự kiện xảy ra sau ngày lập BCTC, KTV nhận thấy không có vấn đề gì phát sinh đối với khoản mục TSCĐ gây ảnh hưởng đến BCTC và báo cáo kiểm toán.

* Tổng hợp kết quả kiểm toán:

Tổng hợp kết quả báo cáo kiểm toán là giai đoạn cuối cùng của cuộc kiểm toán nhằm tổng hợp công việc kiểm toán và phát hành báo cáo kiểm toán. Mỗi nhóm kiểm toán tham gia cuộc kiểm toán phải gửi kết quả kiểm toán của mình cho trưởng nhóm kiểm toán, trưởng nhóm là người chịu trách nhiệm tổng hợp và gửi kết quả kiểm toán cho KTV và được thể hiện trên trang tổng hợp và trường hợp và thường bao gồm các nội dung sau:

- Các sai phạm đã phát hiện khi kiểm tra chi tiết các nghiệp vụ và số dư tài khoản và đánh giá mức độ của sai phạm.

- Nguyên nhân của sai lệch (nếu có) và bút toán điều chỉnh sai phạm. Sau khi tổng hợp các kết quả kiểm toán do Trưởng nhóm kiểm toán thực hiện, KTV sẽ đưa ra trao đổi với đơn vị được kiểm toán

Do trong kỳ không xảy ra sai sót tại khoản mục Tài sản cố định nên KTV không có ý kiến về khoản mục này và lên giấy tờ làm việc phục vụ cho khoản mục TSCĐ trong thuyết minh BCTC. Phần tổng hợp ý kiến kiểm toán được thể hiện trên giấy tờ làm việc D740 và tổng hợp để phục vụ thuyết minh trên báo cáo tài chính (PLV D720):

CÔNG TY TNHH NEXIA STT - CHI NHÁNH AN PHÁT				Tên	Ngày	
Tên khách hàng: CÔNG TY TNHH MACS LOGISTICS				Người thực hiện	LVH 2/25/2022	
Kỳ kế toán: năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021				Người soát xét	TTQ 2/27/2022	
Nội dung: Tổng hợp kết quả kiểm toán				Người soát xét	VCQ 3/1/2022	
<hr/>						
I	Các vấn đề nêu trong cuộc họp					Ref
1	Các nội dung có bút toán điều chỉnh	TK Nợ	TK Có	VND	USD	
	Không có					
2	Các nội dung khác					
	Không có					
II	Các vấn đề cần nêu trong thư giải trình					
	Không có					
III	Các vấn đề chưa được giải quyết đến thời điểm này					
	Không có					
IV	Các vấn đề cần xem xét ở cuộc kiểm toán năm sau					
	Không có					

Trường Đại học Quản Lý và Công Nghệ Hải Phòng

CÔNG TY TNHH NEXIA STT - CHI NHÁNH AN PHÁT			Tên	Ngày		
Tên khách hàng: CÔNG TY TNHH MACS LOGISTICS		Người thực hiện	L VH	22/2/2022		
Kỳ kế toán: năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021		Người soát xét 1	TTQ	27/2/2022		
Nội dung: GIẤY TỜ PHỤC VỤ THUYẾT MINH BCTC		Người soát xét 2	VCQ	1/3/2022		
1. Chính sách kế toán						
Tài sản cố định được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau: D741						
	TK nguyên giá	TK nguyên giá				
	2112	2113				
MIN	7	6				
MAX	7	8				
2. Tăng, giảm TSCĐ hữu hình						
Khoản mục	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Cộng	Ref		
	2112	2113				
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	130,000,000	15,433,213,963	15,563,213,963	D710	TRUE	
Số dư cuối năm	130,000,000	15,433,213,963	15,563,213,963	D710	TRUE	
Hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	4,642,860	8,006,116,526	8,010,759,386	D710	TRUE	
Khấu hao trong năm	18,571,440	2,047,319,028	2,065,890,468			
Số dư cuối năm	23,214,300	10,053,435,554	10,076,649,854	D710	TRUE	
Giá trị còn lại						
Tại ngày đầu năm	125,357,140	7,427,097,437	7,552,454,577	B341	TRUE	
Tại ngày cuối năm	106,785,700	5,379,778,409	5,486,564,109	B341	TRUE	
Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khách						
Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng						
			1,672,513,636			
Nguyên giá TSCĐ cuối năm chờ thanh lý						
Các cam kết về việc mua, bán TSCĐ hữu hình có giá trị lớn trong tương lai						
Các thay đổi khác về TSCĐ hữu hình						

- Chuẩn bị dự thảo Báo cáo kiểm toán và Thư quản lý Trên cơ sở các bằng chứng và các phát hiện thu thập được trên giấy tờ làm việc của nhóm kiểm toán thực hiện, KTV tiến hành lập Bảng tổng hợp kết quả kiểm toán và lập dự thảo Báo cáo kiểm toán và Thư quản lý. Trước khi hoàn thành cuộc kiểm toán, Hồ sơ kiểm toán phải trải qua soát xét lần cuối của BGD đối với Hồ sơ kiểm toán trước khi phát hành Báo cáo kiểm toán chính thức.

- Công bố báo cáo kiểm toán:

Sau khi tiến hành thảo luận với khách hàng và đi đến thống nhất về kết quả kiểm toán, theo như Hợp đồng đã ký kết, Công ty TNHH Nexia lập và công bố Báo cáo kiểm toán chính thức. Trong báo cáo gồm:

- Báo cáo của Ban giám đốc
- Báo cáo của Kiểm toán viên
- Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2021
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2021
- Thuyết minh Báo cáo tài chính năm 2021

**CHƯƠNG 3: GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KIỂM TOÁN CHU KỲ TSCĐ TRONG KIỂM TOÁN BCTC DO CÔNG TY TNHH NEXIA
STT – CHI NHÁNH AN PHÁT THỰC HIỆN**

3.1 Định hướng phát triển của công ty

Công ty kiểm toán Nexia là một trong những công ty kiểm toán được thành lập đầu tiên tại Hải Phòng. Sự ra đời của Nexia đã góp phần phát triển một loại dịch vụ mới nhưng vô cùng quan trọng trong nền kinh tế hiện nay. Qua 10 năm hoạt động, công ty đã không ngừng phát triển để cung cấp cho khách hàng những dịch vụ tốt nhất và doanh thu tăng liên tục qua các năm.

Với kinh nghiệm thực tiễn qua các năm, sự tận tình và chu đáo với khách hàng, đội ngũ nhân viên giàu kinh nghiệm thực tiễn, hiểu rõ nhu cầu của khách hàng, các khúc mắc, khó khăn mà các doanh nghiệp gặp phải, công ty có thể tư vấn cho khách hàng cách giải quyết vấn đề hiệu quả nhất. Chính vì lẽ đó, phương châm hoạt động của công ty luôn đảm bảo chất lượng dịch vụ cho các Doanh nghiệp trong mọi lĩnh vực. Các KTV tuân thủ nguyên tắc độc lập, trung thực, khách quan và bảo mật thông tin. Hoạt động của công ty luôn tuân thủ quy định của Nhà nước và các Chuẩn mực Kiểm toán Quốc tế. Với sự cố gắng và nỗ lực của toàn thể đội ngũ ban lãnh đạo và nhân viên trong công ty, Công ty kiểm toán Nexia đang ngày càng khẳng định mình trở thành công ty hàng đầu khu vực, cả nước và thế giới. Công ty đề ra một số phương thức phát triển như sau:

Thứ nhất, nâng cao hơn nữa năng lực, trình độ của đội ngũ nhân viên trong công ty, khuyến khích lòng yêu nghề, sức sáng tạo và sự cống hiến của nhân viên trong công ty bằng chính sách, quy định của, chế độ đãi ngộ hợp lý.

Thứ hai, đảm bảo thực hiện và phát huy vai trò của bộ phận quản lý, bộ phận quản lý chất lượng trong quá trình kiểm toán.

Thứ ba, nâng cao chất lượng kiểm toán bằng cách sử dụng phương pháp kiểm toán phù hợp với đặc điểm cụ thể của từng khách hàng

3.2 Đánh giá công tác kiểm toán chu kỳ Tài sản cố định trong kiểm toán Báo cáo tài chính do Công ty TNHH Nexia – Chi nhánh An Phát thực hiện.

3.2.1 Kết quả đạt được

Về đội ngũ nhân viên, công ty Nexia STT – Chi nhánh An Phát có đội ngũ KTV trẻ tuổi, được đào tạo chính quy, có kiến thức chuyên sâu về kế toán, kiểm toán, pháp luật, được đào tạo định kì. Thêm vào đó, đội ngũ KTV được phân theo trình độ chuyên môn và số năm kinh nghiệm. Việc phân chia này sẽ giúp công việc đảm bảo được chất lượng và tiến độ của cuộc kiểm toán.

Về quy trình kiểm toán, công ty tuân thủ các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và Chuẩn mực kiểm toán Quốc tế được áp dụng tại Việt Nam. Việc vận dụng các chương trình kiểm toán linh hoạt vào 3 bước: lập kế hoạch, thực hiện và kết thúc kiểm toán đã góp phần hoàn thiện quy trình kiểm toán của công ty, từ đó nâng cao chất lượng kiểm toán của công ty.

Khi đi sâu vào từng giai đoạn trong quy trình kiểm toán quy trình tài sản cố định có thể nhận thấy một số ưu điểm của công ty như sau:

3.2.1.1 Giai đoạn lập kế hoạch

Công ty đã có uy tín từ ngày thành lập đến nay, lượng khách hàng của công ty phát triển ngày một đông và đa dạng. Phần lớn là nhờ có đội ngũ KTV giàu kinh nghiệm và được đào tạo chuyên nghiệp cùng với Ban lãnh đạo công ty luôn áp dụng kinh hoạt quy trình kiểm toán của công ty, luôn mở rộng mối quan hệ với khách hàng. Do vậy, việc tiếp cận với khách hàng có nhu cầu được sử dụng dịch vụ của công ty được tiến hành nhanh và tiết kiệm chi phí.

Sau khi ký hợp đồng kiểm toán với một khách hàng, công ty tiến hành lập kế hoạch kiểm toán. Tuân thủ Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam(VSA) số 300- Lập kế hoạch kiểm toán – KTV thu thập các thông tin cần thiết liên quan đến khách hàng. Kế hoạch kiểm toán do công ty Nexia STT – Chi nhánh An Phát thiết kế đầy đủ và chi tiết. Nhờ việc lập kế hoạch kiểm toán được Ban Giám đốc Nexia STT – Chi nhánh An Phát chỉ đạo thực hiện kỹ lưỡng nên tạo điều kiện thuận lợi cho các KTV trong quá trình kiểm toán.

Để đảm bảo việc thực hiện công việc hợp lý và tránh được rủi ro, trong giai đoạn lập kế hoạch kiểm toán sau khi thu thập các thông tin của khách hàng thì công ty tiến hành tiếp tục đánh giá tổng quan về hệ thống KSNB; thủ tục phân tích sơ bộ; đánh giá tính trọng yếu và rủi ro xảy ra sai sót trong BCTC của

khách hàng. Buoocs công việc này đã được công ty đưa vào thực hiện có tầm quan trọng với chất lượng của cuộc kiểm toán.

Căn cứ vào các Thông tư, Quyết định, các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam do Bộ tài chính ban hành cũng như các Chuẩn mực kiểm toán quốc tế, thêm vào đó là những kinh nghiệm có được trong quá trình công tác tích lũy được, công ty đã xây dựng chương trình kiểm toán theo một mẫu sẵn áp dụng cho mọi cuộc kiểm toán. Chương trình kiểm toán được xây dựng đã hướng dẫn cho KTV các thủ tục cần thực hiện trong cuộc kiểm toán.

3.2.1.2 Giai đoạn thực hiện kiểm toán

Khi thực hiện kiểm toán, các KTV luôn tuân thủ chương trình kiểm toán đã xây dựng đồng thời tuân thủ các chuẩn mực kiểm toán quốc tế được áp dụng rộng rãi tại Việt Nam, các Quyết định, chính sách do Bộ tài chính ban hành.

Mặc dù thời gian thực hiện cho mỗi cuộc kiểm toán rất ngắn nhưng KTV vẫn vận dụng linh hoạt các phương pháp kỹ thuật kiểm toán để thu thập đầy đủ bằng chứng kiểm toán đủ để đưa ra kết luận kiểm toán.

3.2.1.3 Giai đoạn kết thúc kiểm toán

Kết thúc kiểm toán là giai đoạn cuối cùng của một cuộc kiểm toán, nhằm tổng hợp công việc kiểm toán và phát hành báo cáo kiểm toán

Công ty luôn chú trọng công tác kiểm soát chất lượng kiểm toán trong toàn bộ cuộc kiểm toán và đặc biệt là trong giai đoạn kết thúc kiểm toán. Việc kiểm soát chất lượng kiểm toán cũng được triển khai cơ bản, tuân thủ theo quy định chung của ngành kiểm toán độc lập cũng như quy định chung của công ty. Cụ thể, cuối mỗi ngày làm việc, giấy tờ làm việc đều được nộp cho trưởng nhóm kiểm toán để soát xét và nắm bắt được tiến độ công việc, từ đó có thể điều chỉnh kế hoạch kiểm toán cho phù hợp với thực tế hoạt động. Ngoài ra, Công ty cũng thực hiện soát xét lại báo cáo tài chính trước khi phát hành báo cáo kiểm toán cuối cùng.

Chính nhờ phương pháp và cách thức làm việc có kỷ luật và khoa học trên, tất cả các công việc được giao tại cuộc kiểm toán cho Công ty TNHH MACS LOGISTICS đã hoàn thành đúng kế hoạch. Các giấy tờ làm việc của

kiểm toán viên được trình bày khoa học và hợp lý theo hồ sơ kiểm toán. Các kiểm toán viên không ngừng nâng cao hiệu quả công việc được giao, giảm thời gian làm việc ở mức tối đa nhưng vẫn đảm bảo thu thập bằng chứng kiểm toán có chất lượng. Nhờ đó, kết quả kiểm toán khoản mục Tài sản cố định nói riêng và toàn bộ cuộc BCTC nói chung của Công ty TNHH MACS LOGISTICS đều phản ánh trung thực và hợp lý thông tin khách hàng

3.2.2 Hạn chế

- **Đội ngũ nhân viên**

- **Số lượng:** Sự thiếu hụt nhân sự dẫn đến tình trạng lượng công việc lên một người bị quá tải. Trong cùng một thời gian ngắn khó có thể đảm bảo sự chính xác cao, việc nhân viên luôn phải tang ca ngoài giờ. Sự thiếu hụt nhân lực còn làm hạn chế số lượng khách hàng được công ty chấp nhận.

- **Chất lượng:** Tất cả các nhân viên đều tốt nghiệp từ các trường Đại học chính quy chuyên ngành Kế toán – Kiểm toán, Tài chính – Ngân hàng. Nhưng chỉ có một số nhân viên đã có chứng chỉ hành nghề Kiểm toán viên và một số nhân viên mới chưa tốt nghiệp và chưa có kinh nghiệm

- **Thủ tục khảo sát hệ thống Kiểm soát nội bộ trong chu kỳ kiểm toán tài sản cố định**

Trong giai đoạn thực hiện kiểm toán công ty mới đánh giá chung hệ thống KSNB của khách hàng mà chưa đánh giá cho từng chu kỳ, khoản mục. Trong khi đó việc thực hiện khảo sát hệ thống KSNB đối với từng chu kỳ, khoản mục sẽ giúp KTV nhận diện, đánh giá được những điểm mạnh, điểm yếu của hệ thống KSNB. Trên cơ sở đó KTV sẽ hình dung được khối lượng, độ phức tạp của công việc, đánh giá sơ bộ về rủi ro kiểm soát. Từ đó, KTV xác định được phương hướng, phạm vi kiểm tra, thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp. Tại công ty TNHH Kiểm toán, do chưa thực hiện hệ thống KSNB của từng khoản mục, chu kỳ nên đối với khách hàng mới và nhiều trường hợp khác các KTV phải sử dụng các thủ tục thay thế vì không có cơ sở tin tưởng vào hệ thống KSNB của khách hàng, điều này làm tốn thời gian và chi phí kiểm toán.

3.3 Giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kiểm toán chu kỳ Tài sản cố định tại Công ty TNHH Nexia – Chi nhánh An Phát

3.3.1 Sự cần thiết trong hoàn thiện công tác kiểm toán chu kỳ Tài sản cố định

TSCĐ là một bộ phận của tư liệu sản xuất, giữ vai trò tư liệu lao động chủ yếu của quá trình sản xuất. Chúng được coi là cơ sở vật chất kỹ thuật có vai trò quan trọng trong hoạt động sản xuất kinh doanh, là điều kiện tăng năng suất lao động xã hội và phát triển nền kinh tế quốc dân.

Từ góc độ vi mô, máy móc thiết bị, quy trình công nghệ sản xuất chính là yếu tố để xác định quy mô và năng lực sản xuất của doanh nghiệp.

Từ góc độ vĩ mô, đánh giá về cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất kỹ thuật của toàn bộ nền kinh tế quốc dân có thực lực vững mạnh hay không. Chính vì vậy, trong sản xuất kinh doanh của từng doanh nghiệp nói riêng cũng như của toàn bộ nền kinh tế nói chung, TSCĐ là cơ sở vật chất và có vai trò cực kì quan trọng. Việc cải tiến, hoàn thiện, đổi mới và sử dụng hiệu quả TSCĐ là một trong những nhân tố quyết định sự tồn tại và phát triển của các doanh nghiệp và của nền kinh tế.

Xuất phát từ đặc điểm của TSCĐ nói chung, TSCĐ hữu hình nói riêng mà trong công tác quản lý TSCĐ phải quản lý một cách chặt chẽ về số lượng, chủng loại và giá trị của TSCĐ theo nguyên giá và giá trị còn lại. Mặt khác còn phải quản lý được hiện trạng và tình hình sử dụng TSCĐ. Chỉ khi quản lý tốt TSCĐ thì doanh nghiệp mới sử dụng một cách hiệu quả TSCĐ.

3.3.2 Những yêu cầu về hoàn thiện công tác kiểm toán chu kỳ Tài sản cố định

Để đáp ứng được những yêu cầu về quản lý của Nhà nước đối với hoạt động kiểm toán nói chung và kiểm toán BCTC nói riêng thì kiểm toán Tài sản cố định cũng phải được hoàn thiện cho phù hợp. Muốn đảm bảo cho việc hoàn thiện kiểm toán vốn bằng tiền trong kiểm toán BCTC có tính khả thi cao thì các nội dung đưa ra phải đáp ứng được các yêu cầu sau:

- Phải phù hợp với các chính sách, chế độ quản lý kinh tế hiện hành của Nhà nước, các chuẩn mực kế toán, kiểm toán đã ban hành và các thông lệ, chuẩn mực kiểm toán quốc tế phổ biến.

- Phải phù hợp với yêu cầu quản lý của Nhà nước mà trực tiếp là Bộ Tài chính đối với hoạt động kiểm toán hiện nay.

- Phải phù hợp với điều kiện, đặc điểm của Công ty kiểm toán và có ảnh hưởng tích cực đến việc nâng cao chất lượng dịch vụ kiểm toán của Công ty.

3.3.3 Giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kiểm toán chu kỳ Tài sản cố định

Giải pháp 1: Nâng cao chất lượng và tăng cường đội ngũ nhân viên

- Nâng cao số lượng KTV:

Hiện nay, tại Việt Nam đã có rất nhiều trường Đại học đào tạo về kiểm toán, Công ty có thể kết hợp với các trường đại học này nhằm phát hiện những sinh viên ưu tú và thu hút họ trở thành nhân viên của Công ty trong tương lai khi họ còn ngồi trên ghế nhà trường. Việc này có thể được thực hiện thông qua việc liên kết đào tạo với trường đại học. Công ty có thể cử các kiểm toán viên có kinh nghiệm trực tiếp tham gia giảng dạy cho sinh viên giúp sinh viên có những kiến thức sát với thực tế nhất và có thể tạo điều kiện cho các sinh viên trong giai đoạn thực tập tham gia thực tập tại Công ty, từ đó phát hiện những sinh viên có năng lực giữ lại làm việc tại Công ty.

Hơn nữa, trong giai đoạn hiện nay, với sức hút hấp dẫn từ lĩnh vực ngân hàng, tài chính, chứng khoán thì sự thay đổi về nguồn nhân lực tại các công ty kiểm toán đang dần trở thành một vấn đề mà các nhà quản lý tại các công ty kiểm toán quan tâm hàng đầu. Do đó, để tránh tình trạng nhân sự thay đổi và có thể thu hút được nhiều nhân tài thì bên cạnh chế độ lương, chính sách khuyến khích, hỗ trợ hiện có công ty cần tạo môi trường làm việc tích cực, có những hoạt động, những quy định về khen thưởng phù hợp và cải thiện chế độ lương hấp dẫn nhằm tạo cho đội ngũ nhân viên thấy yên tâm và gắn bó lâu dài với sự phát triển lớn mạnh của công ty.

- Nâng cao chất lượng đội ngũ nhân viên, KTV:

Hiện nay, đội ngũ nhân viên của công ty chủ yếu là nhân viên trẻ, vừa mới tốt nghiệp đại học nên chưa có kinh nghiệm và chưa đạt được các chuẩn mực kiểm toán. Vì vậy, hàng năm công ty cần tăng cường các đợt thi, sát hạch

nhằm đánh giá trình độ năng lực của KTV và trợ lý KTV. Từ đó, sẽ có các kế hoạch để bồi dưỡng, Công ty cần tạo điều kiện cho nhân viên tham gia các khóa huấn luyện nâng cao trình độ, tham gia học và thi để đạt Chứng chỉ kiểm toán viên do Bộ trưởng Bộ Tài chính cấp. Ngoài ra, công ty nên tạo điều kiện cho những nhân viên có năng lực tốt để đi học các lớp đào tạo chuyên sâu về kiểm toán ở nước ngoài.

Trình độ ngoại ngữ của các KTV còn hạn chế gây khó khăn cho các KTV trong việc tiếp cận các tài liệu chuyên môn bằng tiếng nước ngoài cũng như tham gia các khóa học đào tạo KTV tại nước ngoài. Điều này cũng gây khó khăn trong việc mở rộng thị trường kiểm toán ra các Công ty vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam. Do vậy, Công ty cần tạo điều kiện khuyến khích các KTV tham gia các khóa học đào tạo tiếng Anh, Trung, Nhật, Hàn đặc biệt là các khóa đào tạo tiếng Anh chuyên ngành kiểm toán.

Giải pháp 2: Xây dựng bảng câu hỏi đánh giá hệ thống kiểm soát nội bộ đối với khoản mục Tài sản cố định

KTV sử dụng “Bảng câu hỏi đánh giá hệ thống KSNB đối với Tài sản cố định” thông qua thực hiện phỏng vấn kế toán Tài sản cố định.

Câu hỏi đánh giá hệ thống KSNB	Có	Không	Ghi chú
1. Bộ phận chịu trách nhiệm mua sắm TSCĐ có độc lập với bộ phận sử dụng và/hoặc bộ phận kế toán không?			
2. Doanh nghiệp có lập Biên bản giao nhận TSCĐ có sự tham gia của nhà cung cấp và các bộ phận liên quan hay không?			
3. [Bộ phận chịu trách nhiệm] có lập bộ hồ sơ TSCĐ với đầy đủ chứng từ liên quan và cập nhật ngay khi có thay đổi hay không?			
4. [Định kỳ] Có tổ chức kiểm kê TSCĐ với sự tham gia của cá nhân độc lập với bộ phận quản lý, sử dụng không?			
5. Doanh nghiệp có phân công [bộ phận chịu trách nhiệm] tập hợp các chi phí liên quan đến TSCĐ không?			

6. Hồ sơ, chứng từ liên quan đến TSCĐ tăng/giảm có được chuyển về bộ phận kế toán để cập nhật kịp thời vào sổ kế toán không?			
7. Kế toán có đối chiếu số liệu trên báo giá, hợp đồng, hóa đơn để đảm bảo tính chính xác của nguyên giá TSCĐ ghi nhận trên sổ kế toán không?			
8. Kế toán có kiểm tra để đảm bảo thời điểm bắt đầu/ngừng trích khấu hao là thời điểm bắt đầu/dừng sử dụng TSCĐ không?			